PROBIOTICS®
living well

HỘI THẢO

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT PROBIOTICS MẬT ĐỘ CAO (HCDF) ỨNG DỤNG TRONG NÔNG NGHIỆP

Thời gian: 8h30 - 11h, thứ 5 ngày 25/12/2025

Địa điểm: Trung tâm Công nghệ và Thông tin số 202 Bạch Đằng, phường Bà Rịa, Tp HCM (Vũng Tàu cũ)

PROBIOTICS®
living well

PROBIOTICS®
living well

Doanh nghiệp TIÊN PHONG
sản xuất thành công probioticsmật độ cao:
10^13 - 10^15 cfu/mL

PROBIOTICS®
living well

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT CỦA CHÚNG TÔI

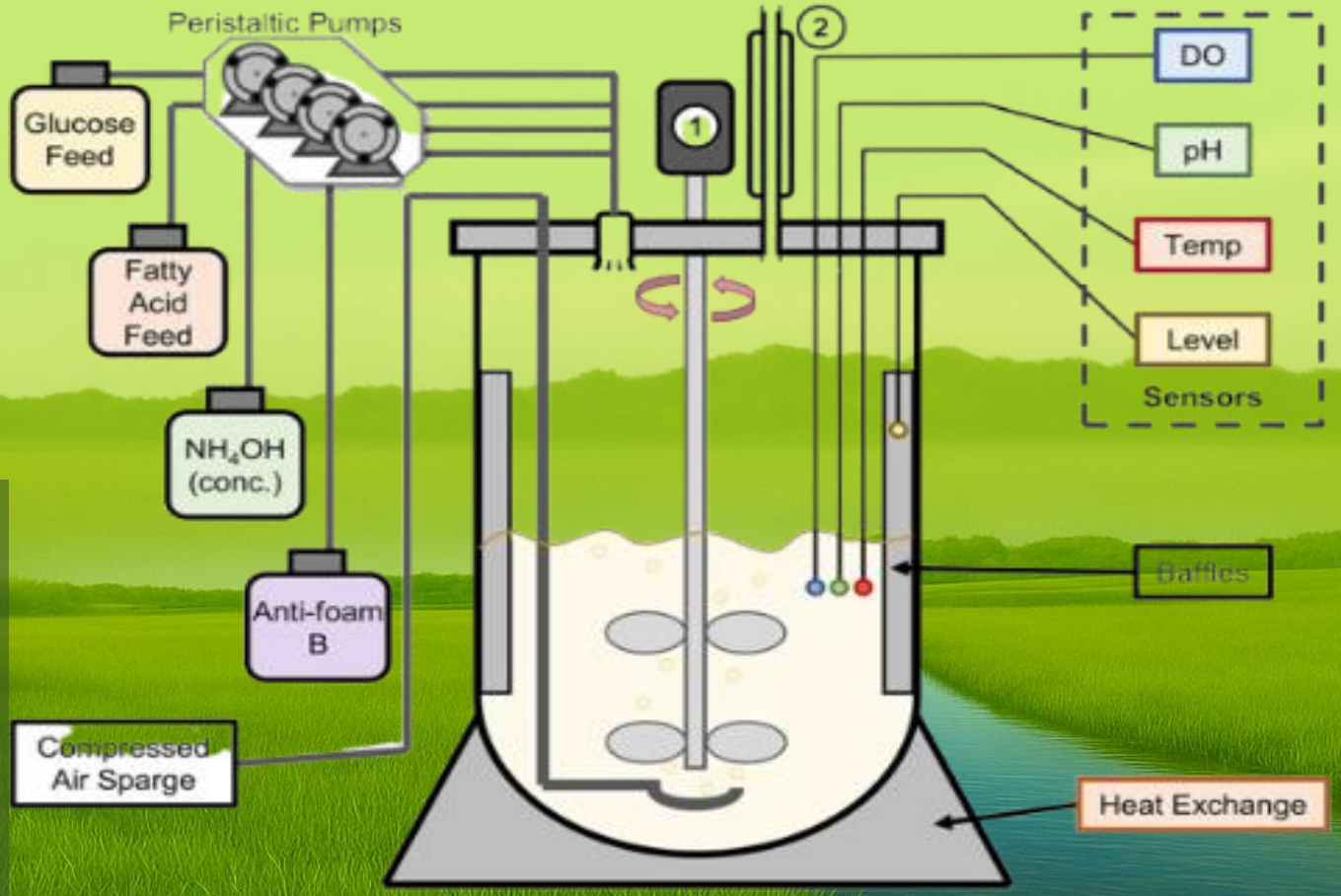

Lên men mật độ cao – High cell density fermentation

- Kiểm soát nghiêm ngặt
- Tối ưu các điều kiện: pH, nhiệt, DO, áp suất thẩm thấu,…
- Mật độ rất cao: > 10^15 CFU/mL
- Sản xuất giống chất lượng cao & nguyên liệu

PROBIOTICS®
living well

TẦM NHÌN

TRỞ THÀNH NHÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ VÀ SẢN XUẤT PROBIOTICS UY TÍN TẠI VIỆT NAM, VƯƠN TẦM KHU VỰC

PROBIOTICS®
living well

SỨ MỆNH

GÓP PHẦN CÙNG VIỆT NAM LÀM CHỦ NGÀNH CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT LỢI KHUẨN MẬT ĐỘ CAO

MADE IN VIỆT NAM

MADE BY VIỆT NAM

PROBIOTICS®
living well

LAB2LIFE
It's worth!

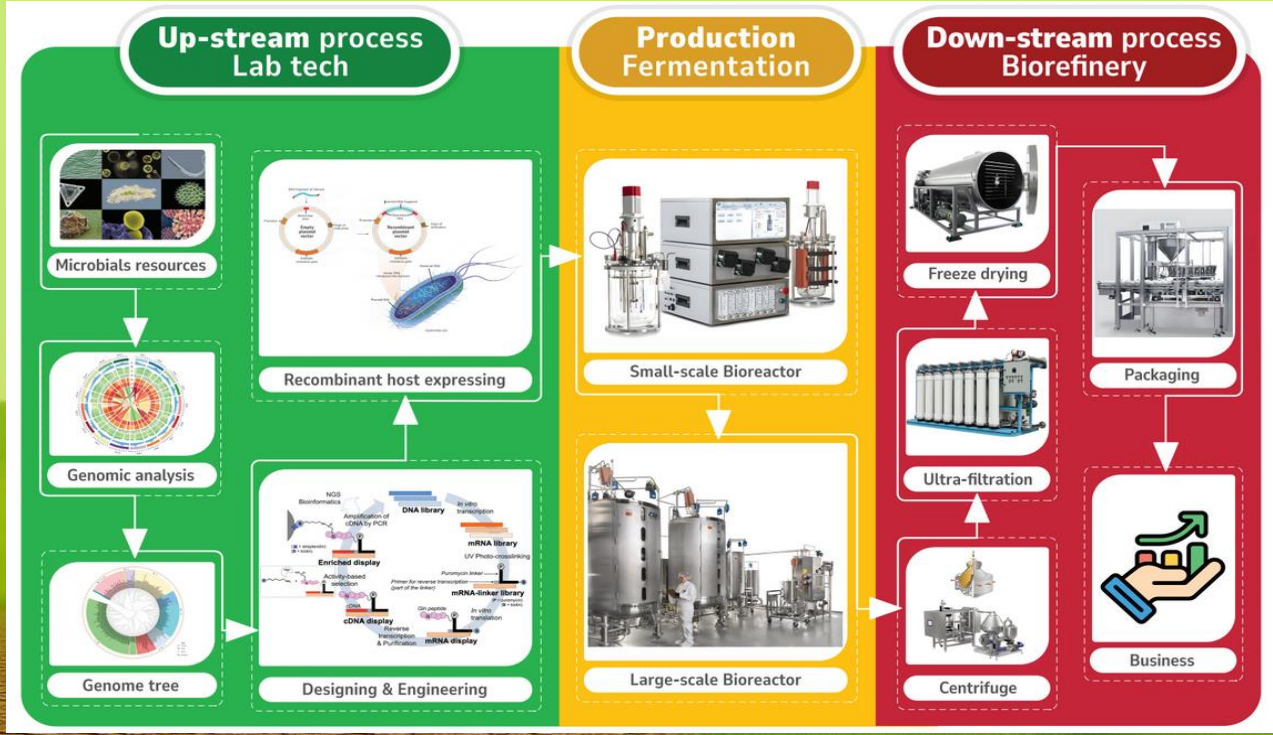

ĐỘI NGŨ CHUYÊN GIA
LÀM CHỦ CÔNG NGHỆ NGUỒN

PROBIOTICS®
living well

LAB2LIFE
It's worth!

Sức sống mãnh liệt; Chịu nhiệt cao

Hoạt động tốt từ 18 - 80°C

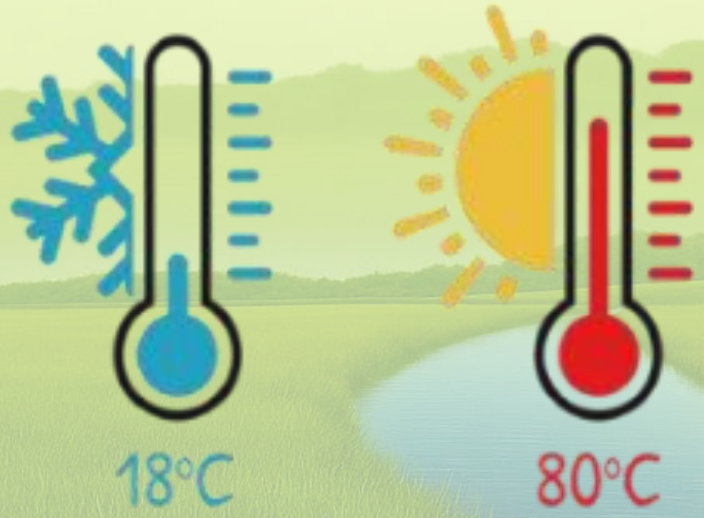

PROBIOTICS®
living well

LAB2LIFE
It's worth!

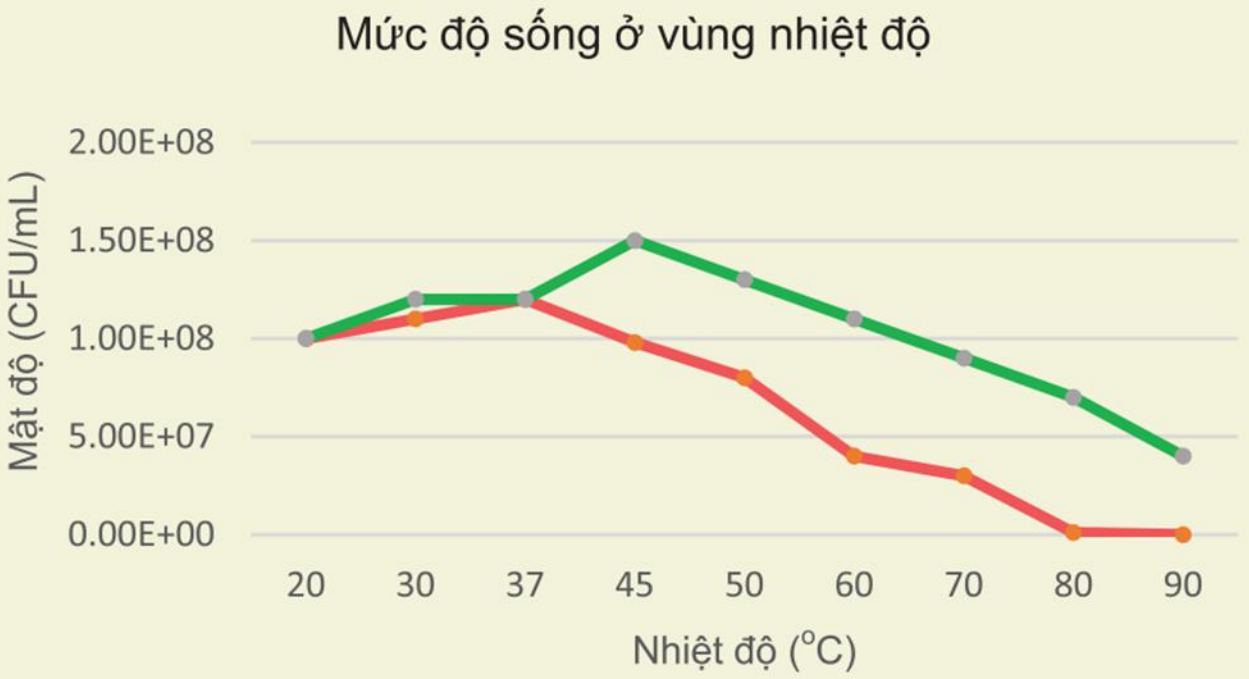

Sản phẩm thông thường

Sản phẩm Probioticsvn

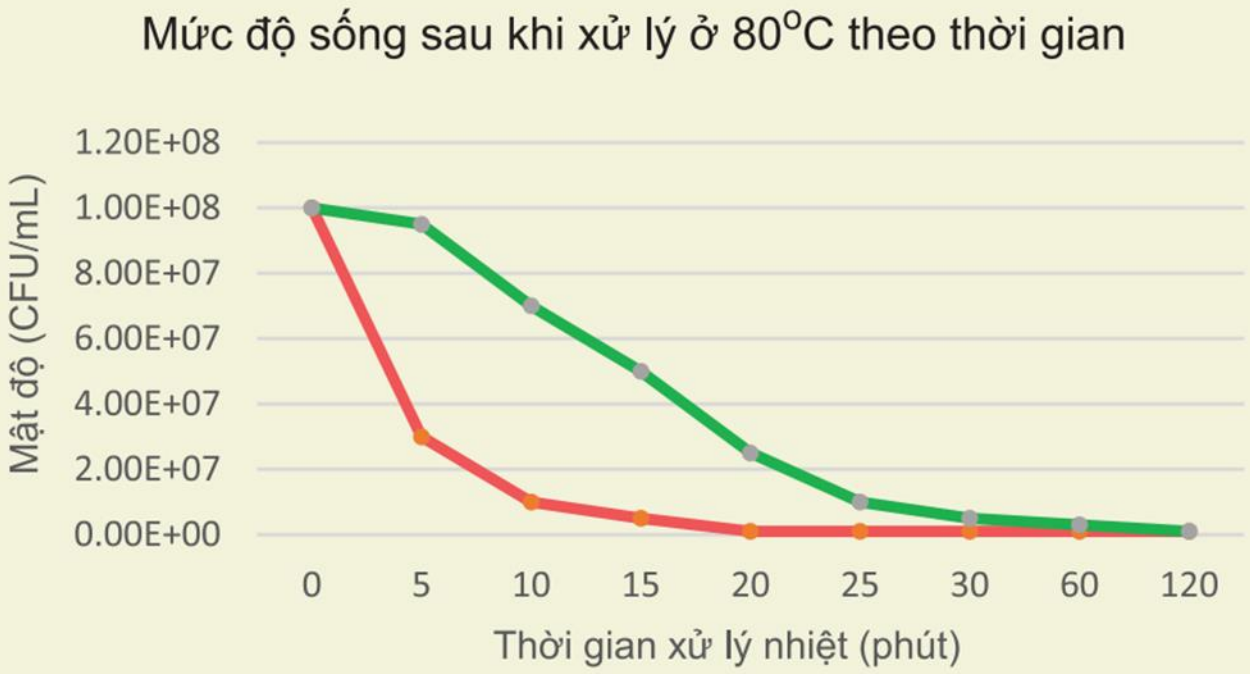

Sản phẩm thông thường

Sản phẩm Probioticsvn

PROBIOTICS®
living well

LAB2LIFE
It's worth!

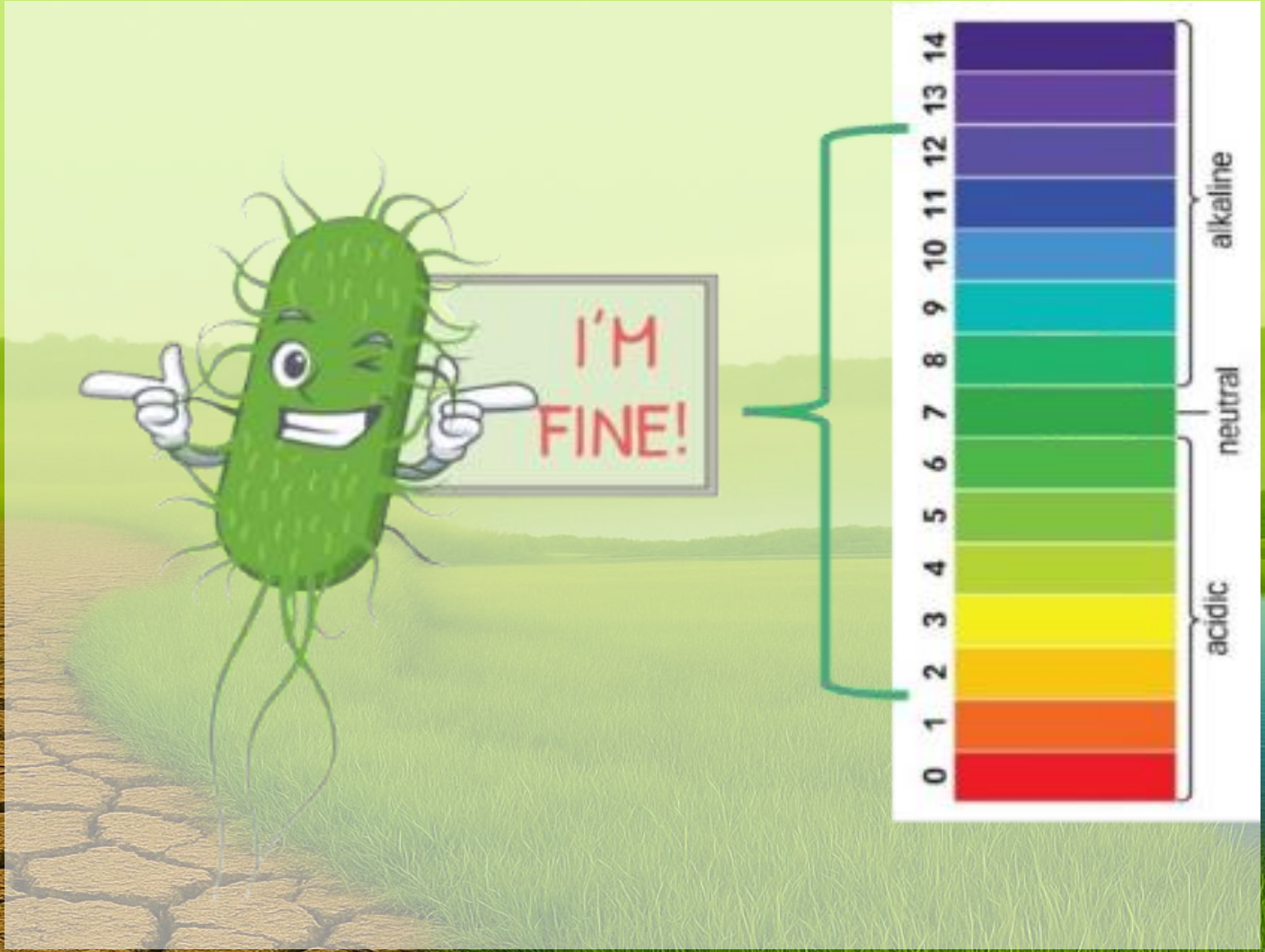

PROBIOTICS®
living well

LAB2LIFE
It's worth!

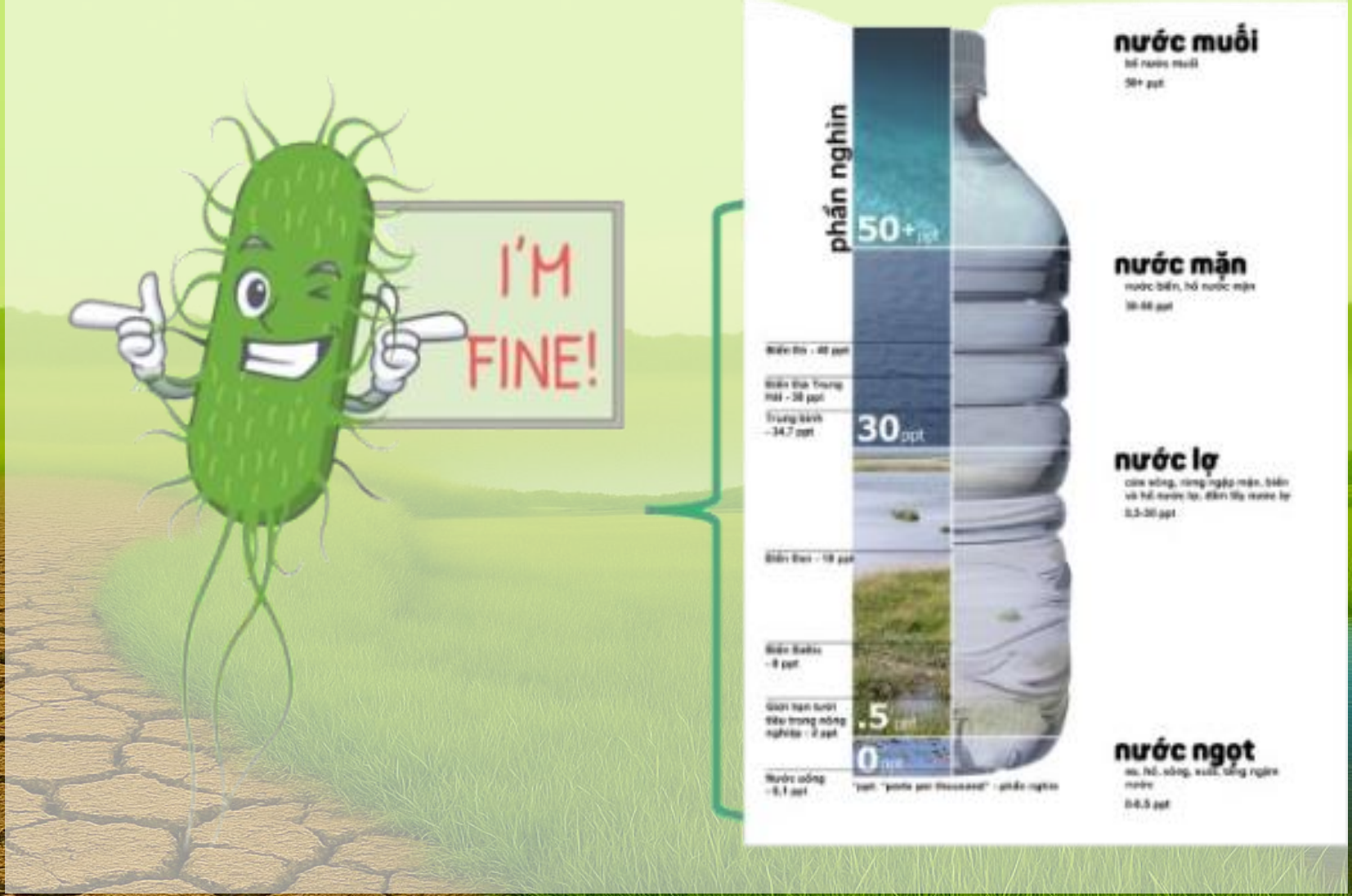

PROBIOTICS®
living well

LAB2LIFE
It's worth!

Tốc độ thủy phân nhanh vượt trội

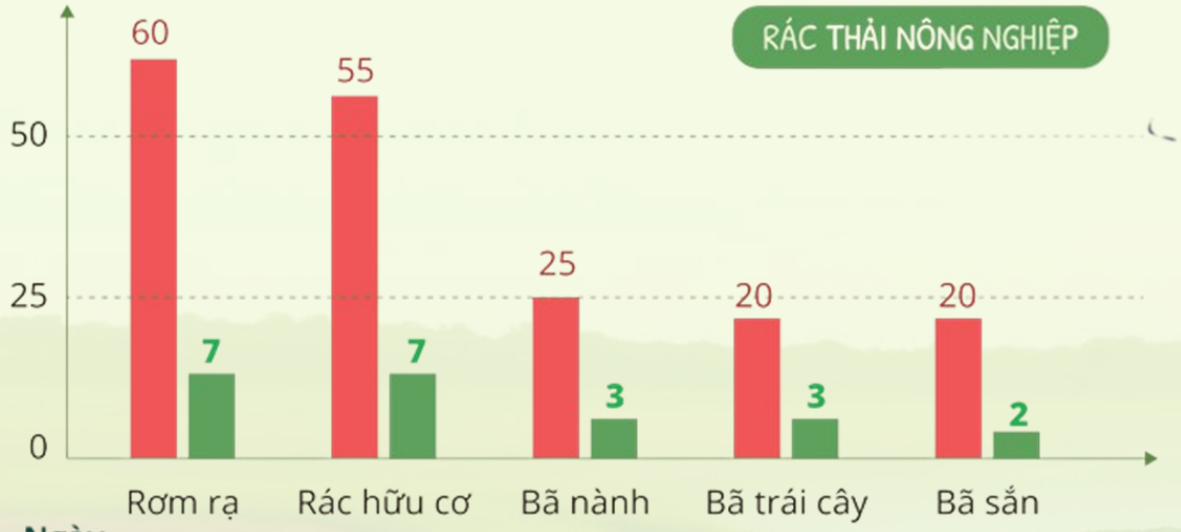

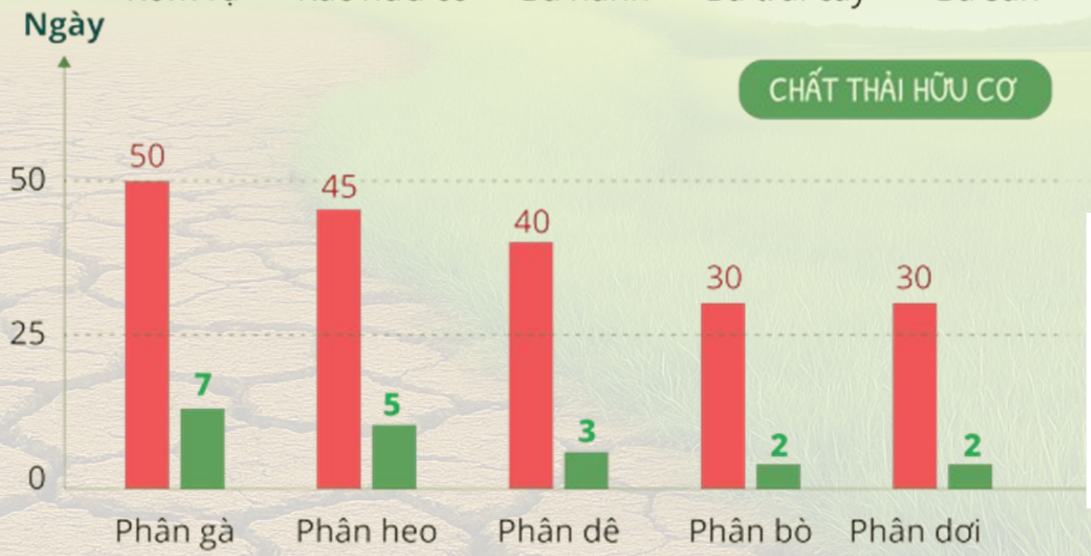

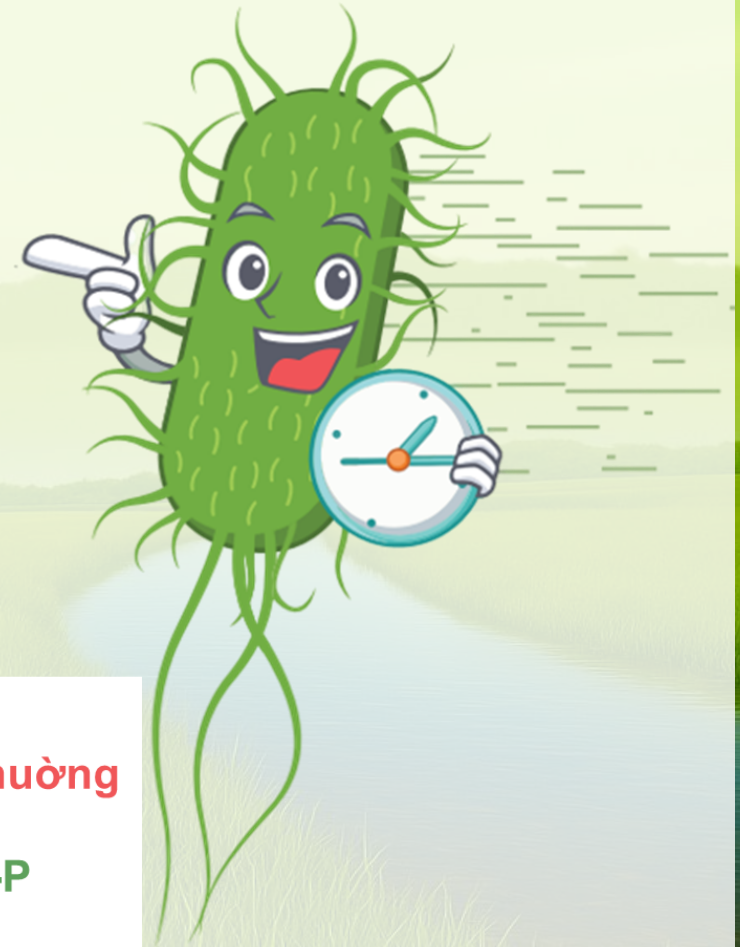

Thông thường

L2L-P

PROBIOTICS®
living well

LAB2LIFE
It's worth!

Tỉ lệ các loại VSV trong sản phẩm sau xử lý

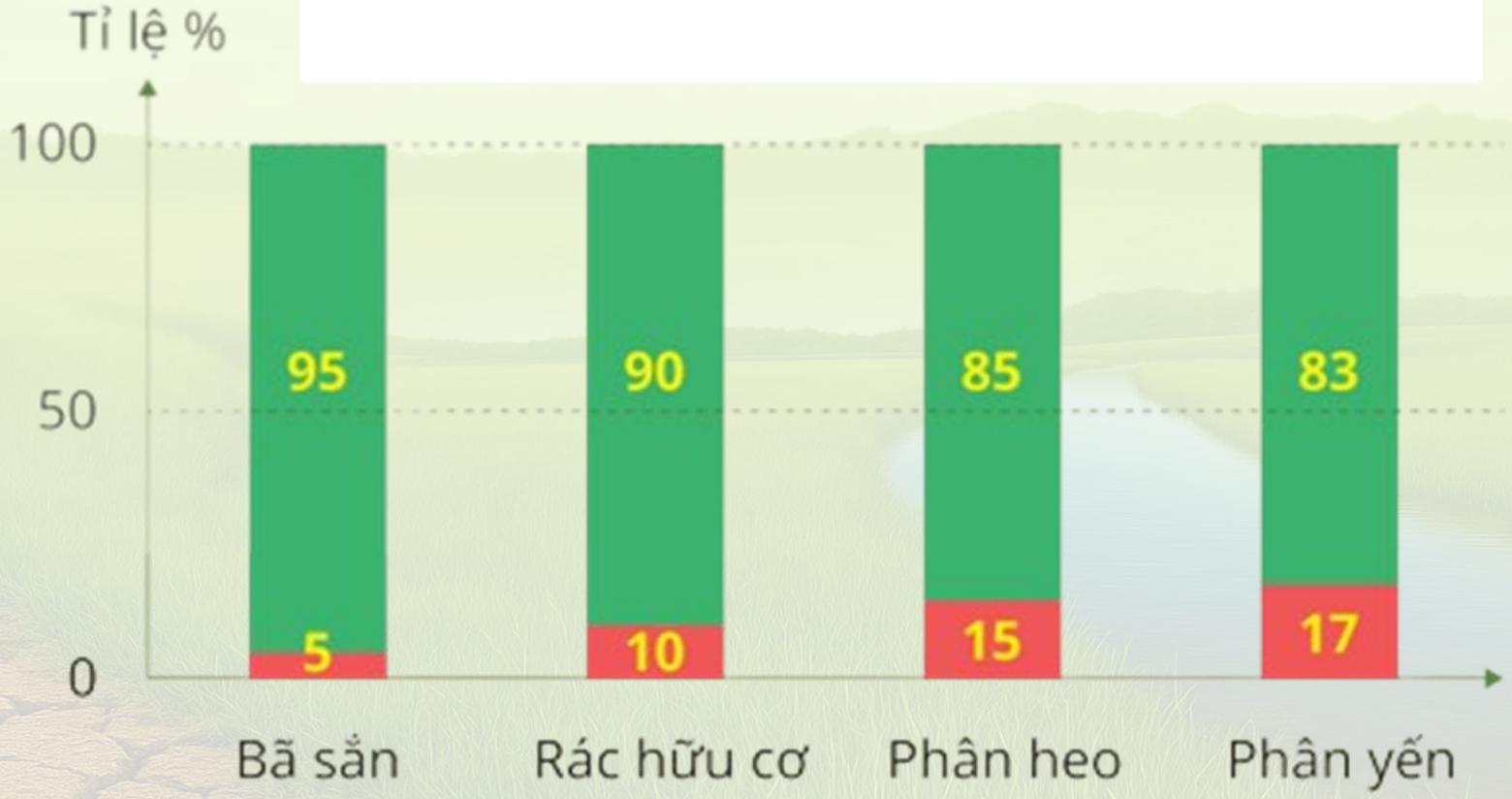

VSV khác

Bacillus của L2L-P

PROBIOTICS®
living well

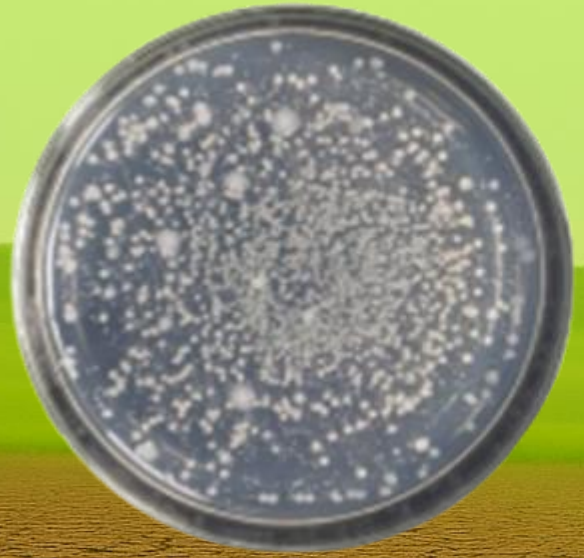

Phân yến trước xử lý

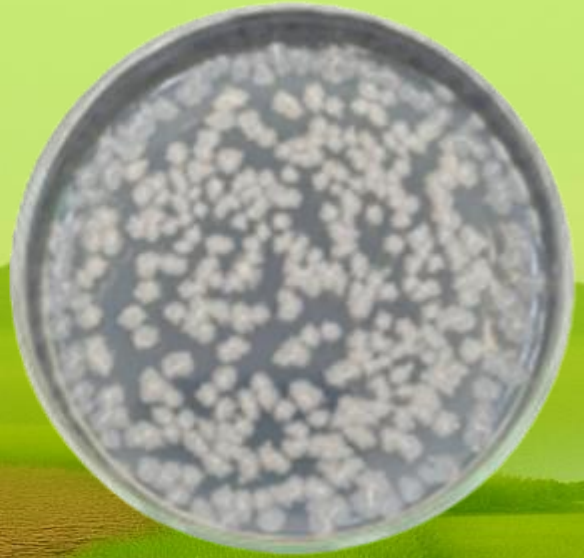

Phân yến sau xử lý bằng Ozym

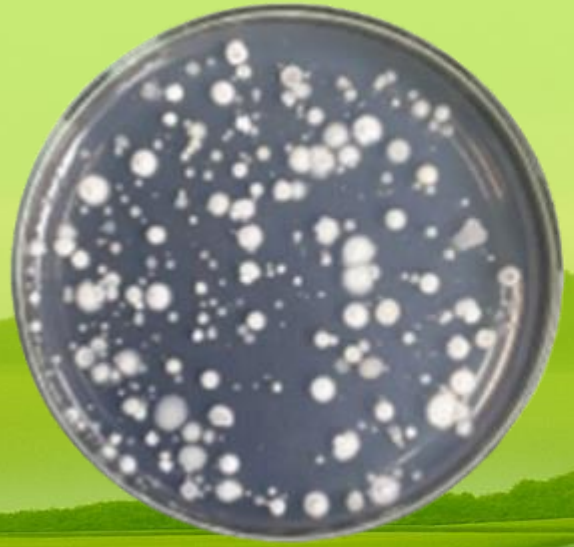

Bã sắn trước xử lý

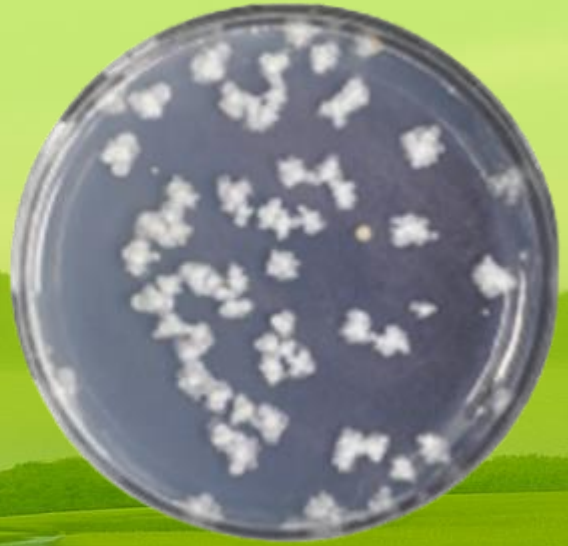

Bã sắn sau xử lý bằng Ozym

PROBIOTICS®
living well

Hiếu khí – Không sinh mùi

PROBIOTICS®
living well

Chúng tôi *TIÊN PHONG* chế tạo thiết bị đồng bộ cùng chủng giống để sản xuất probiotics mật độ cao

Bacillus velezensis

Bacillus licheniformis

Bacillus subtilis

PROBIOTICS®
living well

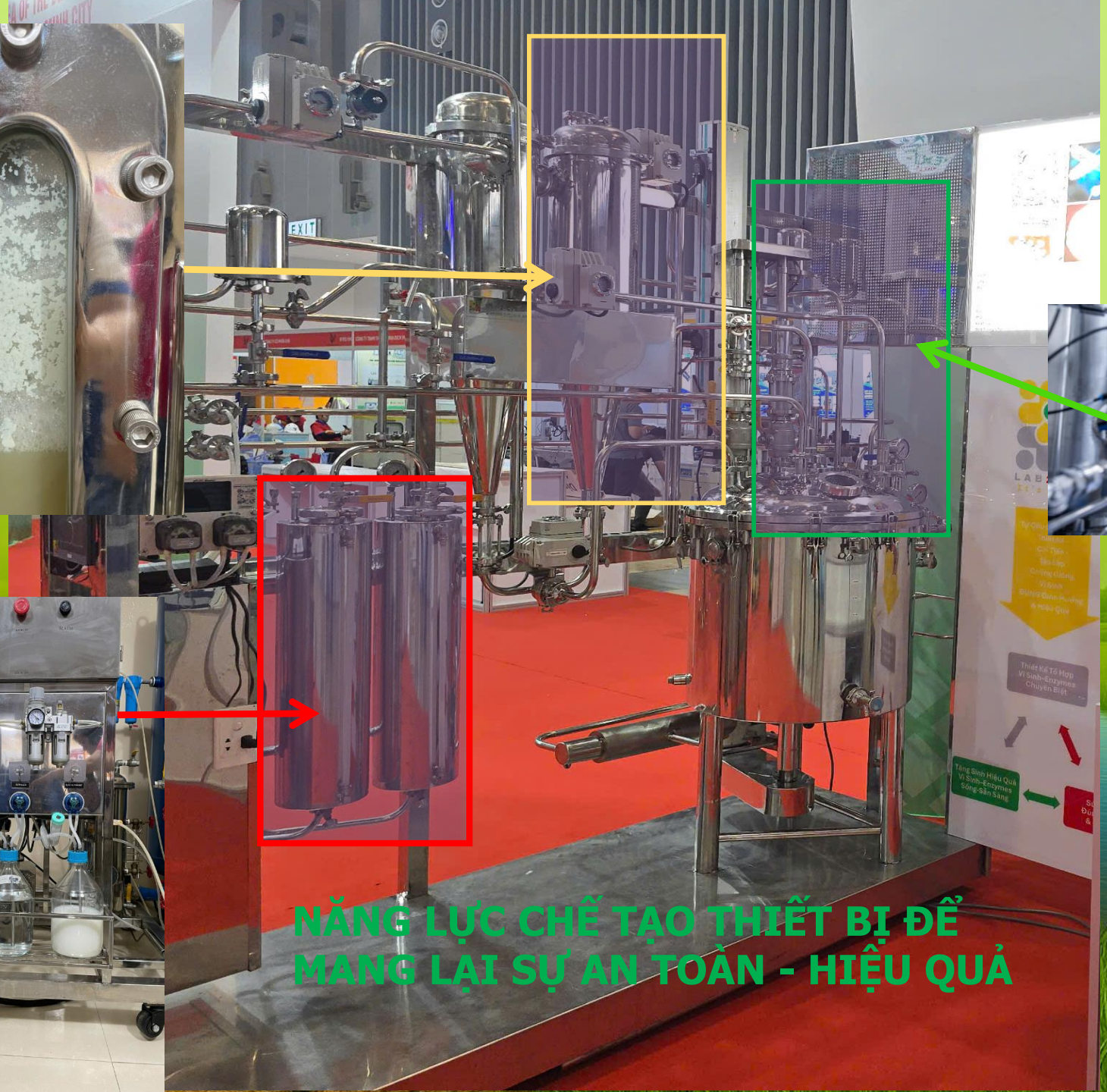

NĂNG LỰC CHẾ TẠO THIẾT BỊ ĐỂ MANG LẠI SỰ AN TOÀN - HIỆU QUẢ

CHUYỂN GIAO NHÀ MÁY SẢN XUẤT PROBIOTICS MẬT ĐỘ CAO NÔNG NGHIỆP
THỦ ĐỨC

CHUYỂN GIAO NHÀ MÁY SẢN XUẤT PROBIOTICS MẬT ĐỘ CAO - THỦY SẢN
THỦ ĐỨC

PROBIOTICS®
living well

NHÀ MÁY SẢN XUẤT PROBIOTICS MẬT ĐỘ CAO THỦ ĐỨC

CHUYỂN GIAO NHÀ MÁY SẢN XUẤT PROBIOTICS XỬ LÝ NƯỚC THẢI CHĂN NUÔI BÌNH DƯƠNG

CHUYỂN GIAO NHÀ MÁY SẢN XUẤT PROBIOTICS NÔNG NGHIỆP

ĐỒNG THÁP

PROBIOTICS®
living well

SỰ QUAN TÂM
CỦA CHUYÊN GIA,
LÃNH ĐẠO VÀ BẠN BÈ QUỐC TẾ

PROBIOTICS®
living well

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT PROBIOTICS MẬT ĐỘ CAO (HCDF) ỨNG DỤNG TRONG NÔNG NGHIỆP

PROBIOTICS®
living well

BỐI CẢNH NÔNG NGHIỆP

Nông nghiệp là trụ cột quan trọng của kinh tế Việt Nam, đảm bảo an ninh lương thực, tăng giá trị xuất khẩu và sinh kế cho phần lớn dân số nông thôn.

Quá trình thâm canh tăng vụ kéo dài cùng với mô hình sản xuất nhỏ lẻ đã làm gia tăng áp lực lên tài nguyên đất.

Việc lạm dụng phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật diễn ra phổ biến, kéo dài nhằm duy trì năng suất.

PROBIOTICS®
living well

MỘT SỐ SỐ LIỆU NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

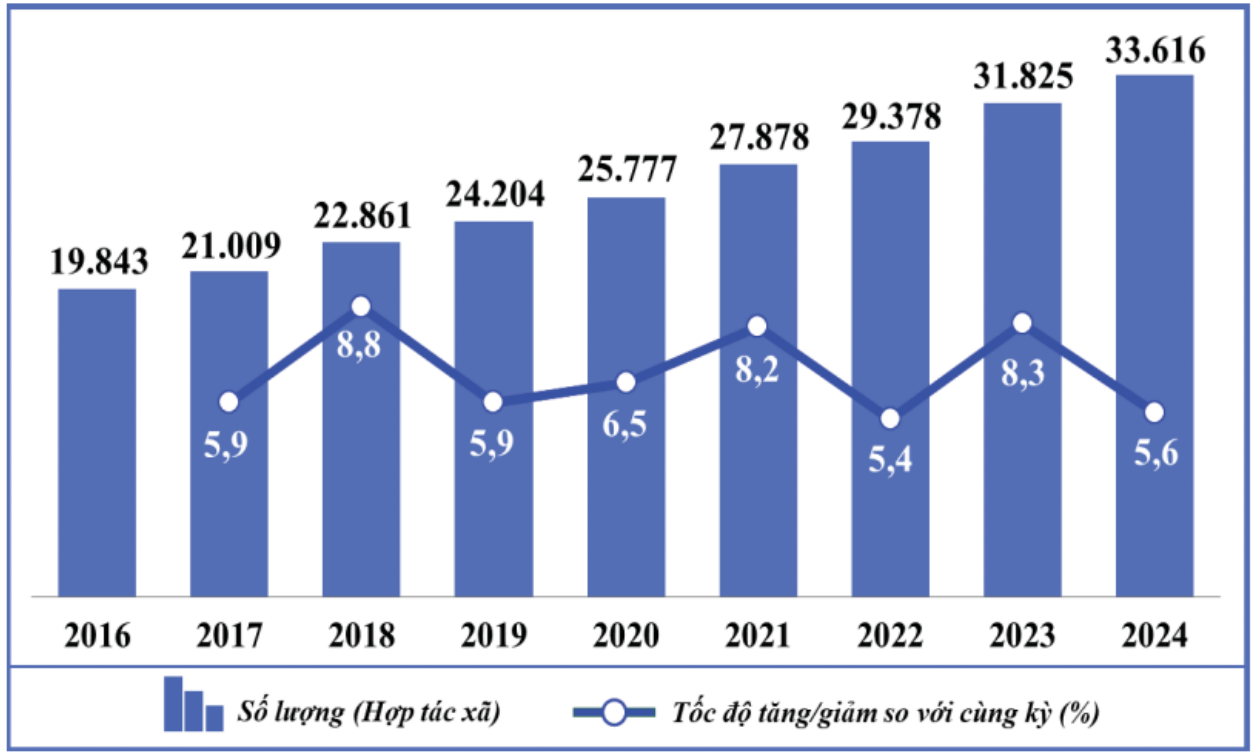

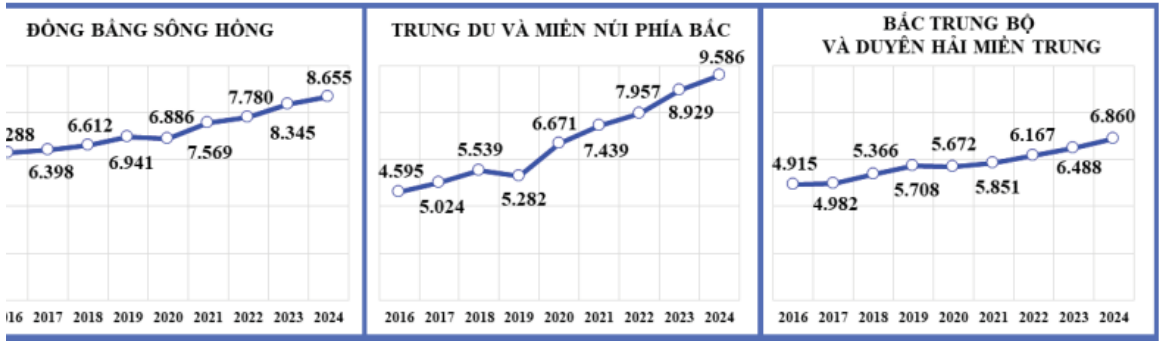

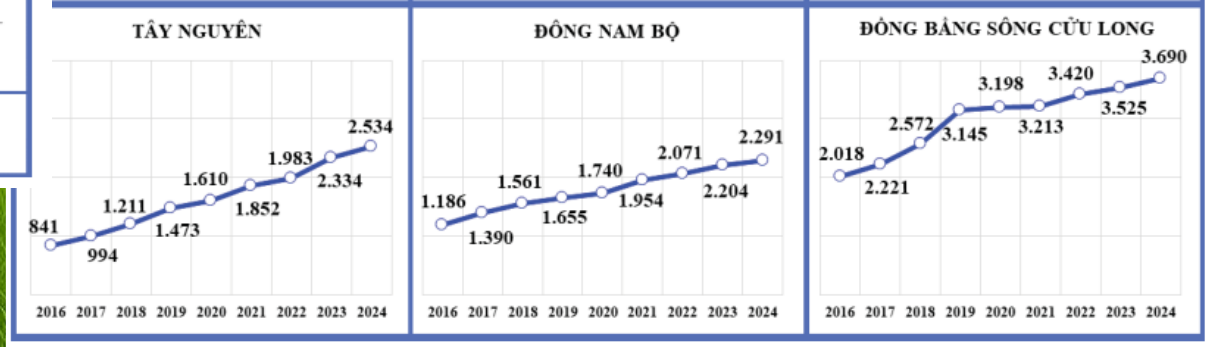

Nguồn: Sách trắng HTX Việt Nam 2025

PROBIOTICS®
living well

MỘT SỐ SỐ LIỆU NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

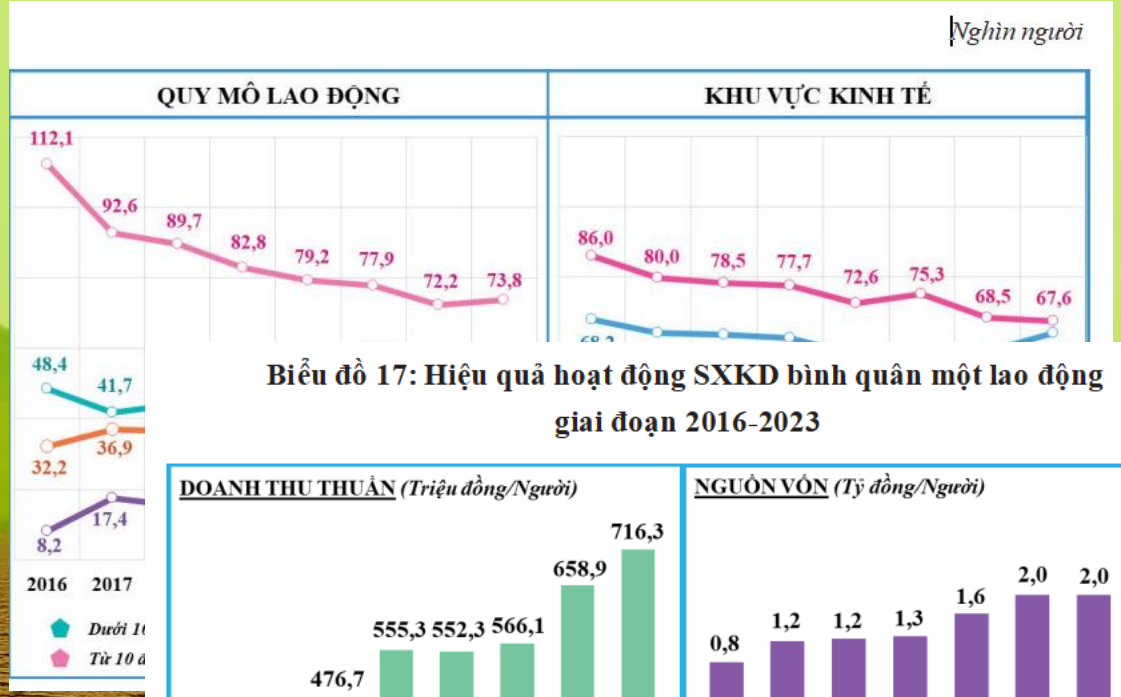

Biểu đồ 17: Hiệu quả hoạt động SXKD bình quân một lao động giai đoạn 2016-2023

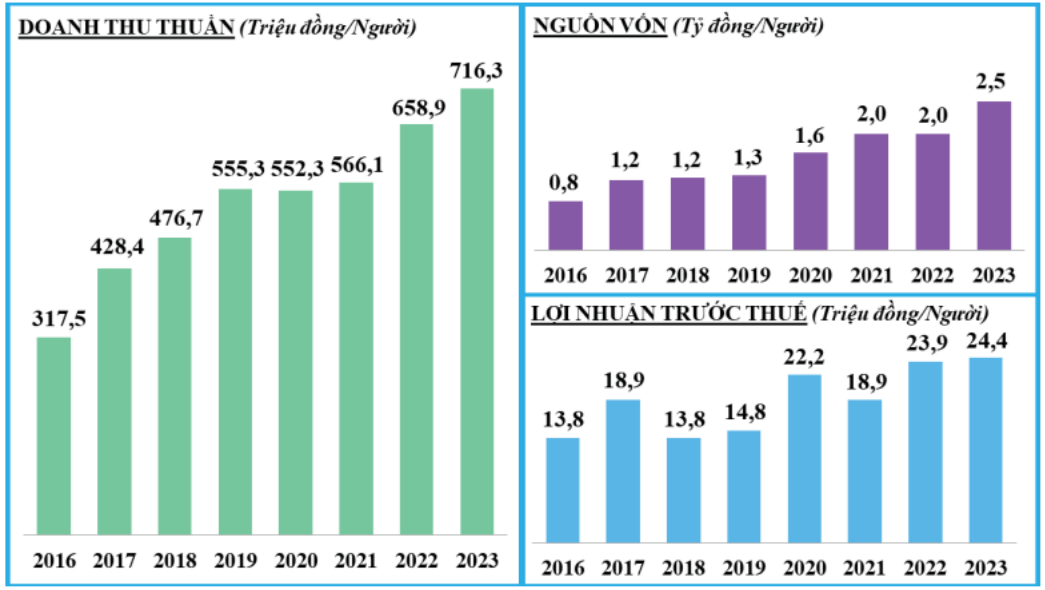

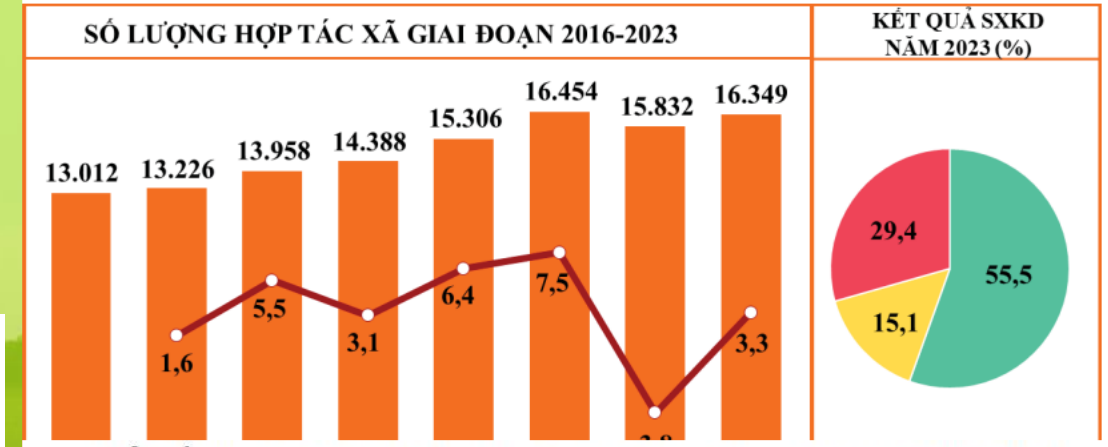

Biểu đồ 19: Thu nhập bình quân của người lao động giai đoạn 2017-2023

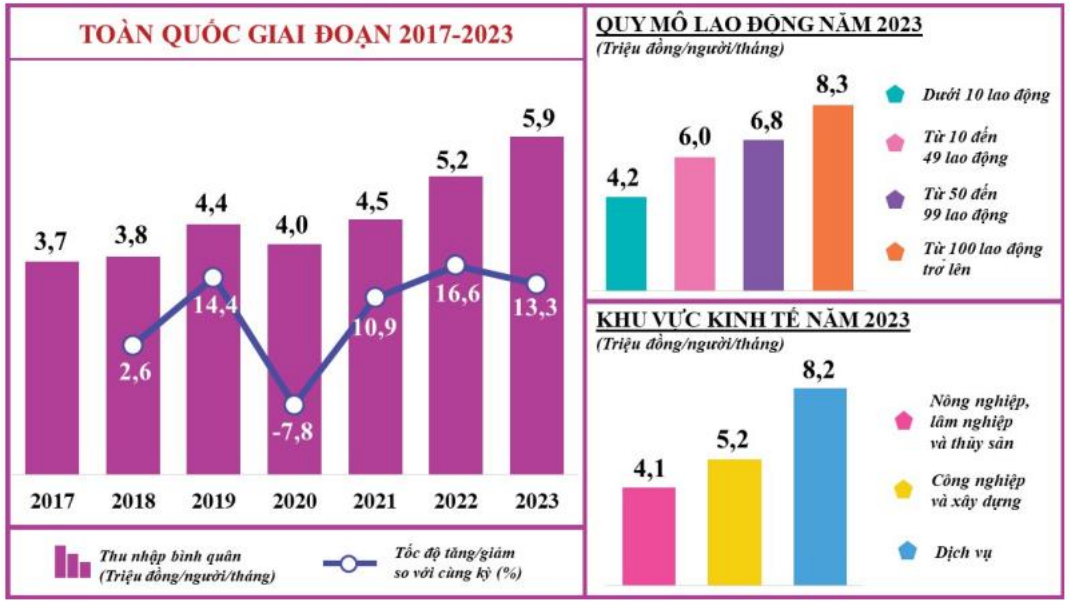

Nguồn: Sách trắng HTX Việt Nam 2025

PROBIOTICS®
living well

TRỒNG TRỌT

VAI TRÒ

- Nông nghiệp là trụ cột quan trọng của nền kinh tế
- Tổng diện tích đất trồng trọt khoảng 11,5–11,7 triệu ha
- Đóng góp 12–14% GDP

CƠ CẤU

- Trồng trọt chiếm khoảng 62–63% giá trị sản xuất nông nghiệp
- Thâm canh cao, tăng vụ liên tục. Nhỏ lẻ
- Phụ thuộc nhiều vào phân bón và thuốc BVTV hóa học

KHÓ KHĂN

- Khoảng 35–45% đất nông nghiệp bị suy thoái
- mỗi năm có hơn 1 triệu ha đất trồng trọt bị ảnh hưởng bởi hạn – mặn.
- Ô nhiễm môi trường đất – nước do canh tác hóa học kéo dài

Nguồn: Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia – Chuyên đề đất (2020, 2023)
Báo cáo tổng kết ngành trồng trọt giai đoạn 2016–2020 và định hướng đến 2030

PROBIOTICS®
living well

CHĂN NUÔI

VAI TRÒ

- Chăn nuôi chiếm khoảng 26–28% giá trị sản xuất nông nghiệp. Hộ nông dân và trang trại quy mô vừa – nhỏ.
- Chăn nuôi chiếm khoảng 26–28% giá trị sản xuất nông nghiệp.

CƠ CẤU

- Điều kiện chuồng trại chưa đồng bộ
- Chăn nuôi vẫn còn: Phân tán, quy mô nhỏ
- Phụ thuộc nhiều vào thức ăn công nghiệp, an toàn sinh học chưa đồng đều

KHÓ KHĂN

- Lượng chất thải lớn: Phân, nước thải, khí thải (NH_3, H_2S, CH_4)
- Xử lý chất thải chưa triệt để, gây ô nhiễm, tỷ lệ tái sử dụng phân chuồng hiệu quả còn thấp.

Nguồn: Quyết định số 1520/QĐ-TTg: Chiến lược phát triển chăn nuôi đến năm 2030, tầm nhìn 2045
Viện Môi trường Nông nghiệp (IAE) Đánh giá tác động môi trường của hoạt động chăn nuôi tại Việt Nam

PROBIOTICS®
living well

THỦY SẢN

VAI TRÒ

- Thủy sản là ngành kinh tế mũi nhọn của nông nghiệp Việt Nam.
- Đóng góp 3 - 4% GDP; 22–25% GDP ngành nông – lâm – thủy sản.

CƠ CẤU

- Hai lĩnh vực chính nuôi trồng và khai thác thủy sản
- Một số đối tượng chủ lực: tôm, cá tra, cá nước ngọt.
- Vùng trọng điểm ĐBSCL, duyên hải miền Trung và đồng bằng sông Hồng. 1,3 - 1,4 triệu Ha.

KHÓ KHĂN

- Tích bùn đáy, khí độc NH_3, H_2S
- Ô nhiễm nước ao nuôi
- Việc sử dụng: Kháng sinh, hóa chất vẫn còn phổ biến ở một số vùng.

Nguồn: Báo cáo hoạt động và thống kê ngành thủy sản – Cục Thủy sản (Bộ NN&PTNT)
Vietnam's Fisheries Sector – Báo cáo định hướng phát triển mới (Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam – VASEP)

PROBIOTICS®
living well

XU HƯỚNG XANH

Nông nghiệp toàn cầu đang chuyển từ tối đa hóa sản lượng sang tối ưu hóa hệ sinh thái

Các tổ chức quốc tế (FAO, UN, EU) coi sức khỏe đất là nền tảng của phát triển nông nghiệp bền vững.

Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững đến năm 2030, tầm nhìn 2050 (Quyết định 150/QĐ-TTg, 2022)

Phục hồi sức khỏe đất và hệ sinh thái nông nghiệp

PROBIOTICS®
living well

CÂU CHUYỆN VI SINH

Vi sinh vật đất là nhân tố trung tâm duy trì độ phì và chức năng sinh học của đất

Vai trò chính:

- Phân giải chất hữu cơ → cung cấp dinh dưỡng cho cây trồng
- Tăng khả năng hấp thu dinh dưỡng của rễ cây
- Ức chế vi sinh vật gây bệnh trong đất

Hệ vi sinh đất khỏe mạnh giúp: Giảm phụ thuộc phân bón hóa học, Tăng khả năng chống chịu stress môi trường, Hỗ trợ phục hồi đất suy thoái

PROBIOTICS®
living well

PROBIOTICS VIỆT NAM ĐANG LÀM ĐƯỢC

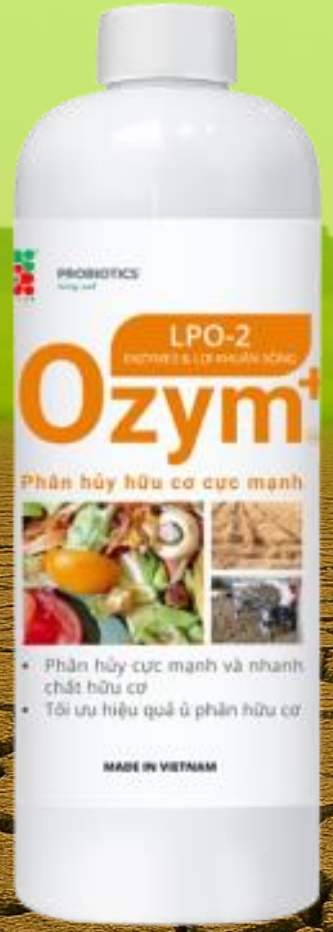

Chúng tôi có khả năng tạo ra sản phẩm chuyên biệt sử dụng cho phân hủy phụ phẩm hữu cơ, nông nghiệp.

Với năng lực sản xuất 20.000 - 60.000 lít sản phẩm/ tháng

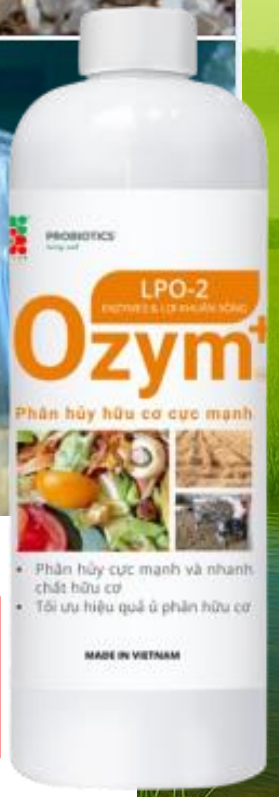

- Thời gian lên men: 48h
- Đạm: 10% đến 17%
- Bacillus 10^6 CFU/g
- Cảm quan: mùi thơm, pha nước tưới vào cây trồng không có mùi hôi và rùi nhặng

Chuối Thuỷ Phân:
- Thời gian lên men: 48h
- Đạm: 3%
- Kali: 3 (mg/kg)
- Bacillus 10^5 CFU/g
- Độ ẩm: 83%
- Cảm quan: mùi thơm, pha nước tưới vào cây trồng không có mùi hôi.

Bột Vỏ Trứng Thuỷ Phân:
- Thời gian lên men: 48h
- Đạm tổng số: 7.5%
- Canxi: 4.25%
- Kali: 959 (mg/kg)
- Bacillus 10^8 CFU/g
- Độ ẩm: 30%
- Cảm quan: mùi trứng ung, pha nước tưới vào cây trồng không có mùi hôi.

PROBIOTICS®
living well

TRIỂN KHAI THỰC TẾ - CÂY LÚA

QUY TRÌNH DINH DƯỠNG CÂY LÚA GIỐNG LÚA ST25

	Sản phẩm cải tạo đất	OZYM+ BZYM+	Trung vi lượng	URE	DAP/ NPK/ KALI	HC Green 10	SILI POTASS TSN 03	VNF	Ghi chú
Bón lót trước khi sạ 5-7 ngày	20kg		2,5kg						
Sau sạ 4 ngày- cho nước vào 3-5cm		200ml							
Lần 1: 8 ngày sau sạ				3kg	5kg	5kg			
Lần 2: 18 ngày sau sạ			2,5kg	3kg	5kg	5kg		100ml	
Lần 3: 40 ngày sau sạ			2,5kg			7,5kg	50ml		
Lần 4: đón đòng, có tim đèn					4kg	5kg			
Lần 5: trước trỗ							50ml		
Lần 6: sau trỗ							50ml		
Tổng lượng phân:	20kg	200ml	7,5kg	6kg	14kg	22.5kg	150ml	100ml	

PROBIOTICS®
living well

TRIỂN KHAI THỰC TẾ - CÂY LÚA

sạ

Các chỉ tiêu

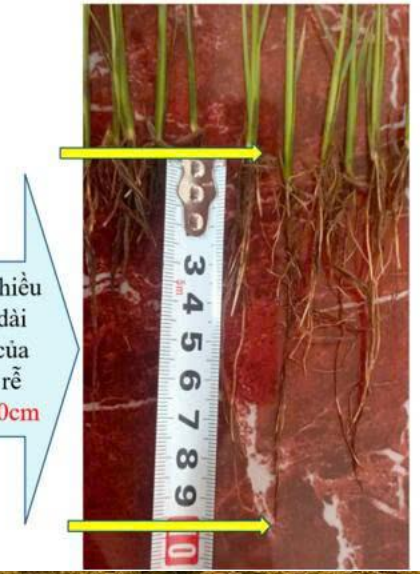

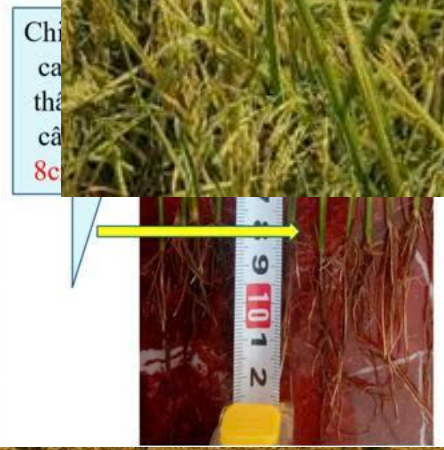

PROBIO
living well

TRIỂN KHAI THỰC TẾ - CÂY ỚT

Report N°: 0000589451 — Page N° 3/18

mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/đơn tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.
_(a) *Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.*

PHOTO APPENDIX/*PHỤ LỤC HÌNH ẢNH*

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot II/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 08 Jun. 2022

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein. This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Report N°: 0000589451 — Page N° 1/18

Ho Chi Minh City, Date: Dec 12,2024
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 12/12/2024
JOB NO.: 2406A-3335
Đơn hàng: 2406A-3335

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

CLIENT'S NAME : C
Tên khách hàng

CLIENT'S ADDRESS S
Địa chỉ

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : **Client**
Được lấy/ gửi bởi : *Khách hàng*

Client's reference : **Mẫu ớt lấy tại farm của khách hàng**
Chú thích của khách hàng

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : **Chilli (approx. gr. wt. 0.4kg) in the plastic container**
Mô tả mẫu : *Ớt (khoảng 0.4kg bao gồm bao bì) chứa trong vật chứa bằng nhựa*

Sample ID : **2406A-3335.001**
Mã số mẫu

Date sample(s) received : Dec 10, 2024
Ngày nhận mẫu : 10/12/2024

Testing period : Dec 10, 2024 - Dec 17, 2024
Thời gian thử nghiệm : *10/12/2024 - 17/12/2024*

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : *Theo yêu cầu của khách hàng*

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : *Vui lòng tham khảo trang sau*

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot II/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 08 Jun. 2022

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein. This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Report N°: 0000589451 — Page N° 17/18

PESTICIDES LIST ANNEX/ *PHỤ LỤC DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT:* — Unit/ *Đơn vị:* mg/kg

No	Name	CAS No.	LOD	LOQ	No	Name	CAS No.	LOD	LOQ
1023	Triadimenol (sum of Triadimenol including Triadimenol generated from Triadimefon, expressed as Triadimenol)	55219-65-3	_(a)	_(a)	1024	Triaflemone	874150-61-6	0.002	0.005
1025	Triallate	2303-17-5	0.002	0.005	1026	Triamiphos	1031-47-6	0.002	0.005
1027	Triasulfuron	82097-50-5	0.002	0.005	1028	Triazamate	112143-82-5	0.002	0.005
1029	Triazamiso	26017-47-8	0.002	0.005	1030	Triazavate	73450-58-5	0.001	0.003
1031	Tribenuron-methyl[1]	101200-48-0	0.01	0.03	1032	Tribufos (DEF)	78-48-8	0.002	0.005
1033	Tributylphosphate	126-73-8	0.002	0.005	1034	Trichlamide	72693-21-4	0.002	0.005
1035	Trichlorfon	52-68-6	0.002	0.005	1036	Trichlorobenzene,1,2,3-	87-61-6	0.002	0.005
1037	Trichlorobenzene,1,2,4-	120-82-1	0.002	0.005	1038	Trichlorobenzene,1,3,5-	108-70-3	0.002	0.005
1039	Trichloronate	327-98-0	0.002	0.005	1040	Trichlorophenol, 2,4,6-	88-06-02	0.002	0.01
1041	Tridiphane (2-Ethoxyethyl	58750-58-7	0.002	0.005	1042	Triclosan	3380-34-5	0.002	0.005
1043	Tricyclazole	41814-78-2	0.002	0.005	1044	Triclamorph (determined and expressed as 2,6-Dimethyl-4-tridecylmorpholine)	81412-43-3	0.002	0.005
1045	Tridiphane	58138-08-2	0.002	0.005	1046	Triclosine	1912-26-1	0.002	0.005
1047	Trifloxystrobin	141517-21-7	0.002	0.005	1048	Trifloxysulfuron	145099-21-4	0.002	0.005
1049	Trifluoroacetic acid	1763-23-1	0.002	0.005	1050	Trifluralin	8064-11-1	0.002	0.005
1051	Trifluoroacetic (sum of Trifluoroacetic and metabolite FM-6-1 (N-(4-chloro-2-trifluoromethylphenyl)-n-propoxyacetamide), expressed as Trifluroxide)	66994-11-1	_(a)	_(a)	1052	Trifluoroacetic metabolite FM-6-1	131349-75-2	0.002	0.005
1053	Trifluorfen	39628-44-0	0.002	0.005	1054	Trifurine	1582-09-8	0.002	0.005
1055	Trifluoxifen (determined and expressed as Trifluoxifen Metabolite IN-N7222)	141899-28-9	0.002	0.005	1056	Trifluoxifen (sum of 2,3,5- and 3,4,5-Trimethacarb)[1]	138535-15-7	0.002	0.005
1057	Trifoine	26644-46-2	0.002	0.005	1058	Trimethacarb (sum of 2,3,5- and 3,4,5-Trimethacarb)[1]	2655-15-4	_(a)	_(a)
1059	Trimethacarb, 2,3,5-	2655-15-4	0.003	0.01	1060	Trimethacarb, 3,4,5-[1]	2686-99-9	0.003	0.01
1061	Tris(2-chloroethyl) phosphate[1]	115-96-8	0.003	0.01	1062	Trinexapac	131983-72-7	0.002	0.005
1063	Triforine	14246-14-5	0.003	0.005	1064	Triiodofurin Metabolite AKT1	5311-05-7	0.003	0.005
1065	TZ-1E (E)-Prosulfuralexo	125318-11-84-0	0.003	0.005	1066	Uniconazole	83657-22-1	0.003	0.005
1067	Valifenalate	283150-48-0	0.002	0.005	1068	Vamidothion	2275-23-2	0.002	0.005
1069	Vamidothion sulfone	70898-34-9	0.002	0.005	1070	Vamidothion sulfoxide	25360-00-5	0.002	0.005
1071	Vamidate	1668-77-7	0.003	0.005	1072	Vinclozolin	50471-44-8	0.003	0.005
1073	Warfarin	81-81-2	0.002	0.005	1074	XMC	2655-14-3	0.002	0.005
1075	Zineb	137-30-4	0.002	0.005	1076	Zoxamide	156052-68-5	0.002	0.005

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS.
Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot II/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 08 Jun. 2022

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein. This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Report N°: 0000589451

PESTICIDES LIST ANNEX/ *PHỤ LỤC DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT:*

No	Name	CAS No.	LOD	LOQ	No	Name	CAS No.	LOD	LOQ
1	1-Naphthol	90-15-3	0.003	0.01	2	1-Naphthylacetamide	86-86-2	0.002	0.005
3	2,6-Dichlorobenzamide	2008-58-4	0.002	0.005	4	2,6-Diisopropylnaphthalene	24157-81-1	0.003	0.01
5	2-Naphthol[1]	135-19-3	0.01	0.03	6	3-decen-2-one*	10519-33-2	0.003	0.01
7	3-Hydroxycarbofuran (3-OH carbofuran)	16655-82-6	0.002	0.005	8	4-(Trifluoromethyl)-2-Pyridinecarboxylic acid (TFNA)	131747-42-7	0.002	0.005
9	4-(Trifluoromethyl)benzamide (TFNA-AM)	1108-82-7-4	0.002	0.005	10	4-(Trifluoromethyl)nicotinoyl Glycine (TFNG)	2007932-45-8	0.003	0.01
11	Abamectin (sum of avermectin B1a, avermectin B1b and 8,9-Z Abamectin B1a, expressed as avermectin B1a)[1]	65195-55-3	_(a)	_(a)	12	Abamectin B1a (sum of Avermectin B1a and 8,9-Z Abamectin B1a, expressed as Abamectin B1a)	65195-55-3	0.003	0.01
13	Abamectin B1b (Avermectin B1b)[1]	65195-56-4	0.01	0.02	14	Acephate	30560-19-1	0.002	0.005
15	Acequinocyl[1]	57960-19-7	0.01	0.02	16	Acetamiprid-methyl	137890-01-5	0.01	0.03
17	Acetamiprid	135410-20-7	0.002	0.005	18	Acetochlor	34256-82-1	0.003	0.01
19	Acetochlor (sum of acetochlor and 2-ethyl-6-methylaniline (MEA), expressed as acetochlor)[1]	34256-82-1	_(a)	_(a)	20	Acibenzolar-S-methyl	135158-54-2	0.002	0.005
21	Acibenzolar	74370-46-5	0.002	0.005	22	Acrinathrin	101987-08-1	0.003	0.005
23	Alfacypermethrin	67932-77-7	0.002	0.005	24	Alanycarb	1707-18-2	0.002	0.005
25	Alachlor	15972-60-8	0.002	0.005	26	Alachlor ESA[1]	83182-01-2	0.01	0.03
27	Alachlor OA	14280-74-9	0.002	0.005	28	Aldicarb	116-06-3	0.002	0.005

Report N°: 0000589451

TEST RESULT(S)
KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

	Analyte *Chỉ tiêu phân tích*	Method *Phương pháp*	Result *Kết quả*	LOD	LOQ	Unit *Đơn vị*	Remark *Chú thích*
1.	Pesticides by LC & GC-MS/MS[(a)] *Thuốc bảo vệ thực vật bởi LC & GC-MS/MS*	Refer to the note *Tham khảo phần ghi chú*	Not Detected *Không phát hiện*	-	-	mg/kg	

Report N°: 0000589451

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here

Customer's feedback - Food Lab

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự

PROBIOTICS®
living well

TRIỂN KHAI THỰC TẾ - XỬ LÝ TRẠI NUÔI HEO

PROBIOTICS®
living well

TRIỂN KHAI THỰC TẾ - XỬ LÝ PHÂN BÒ

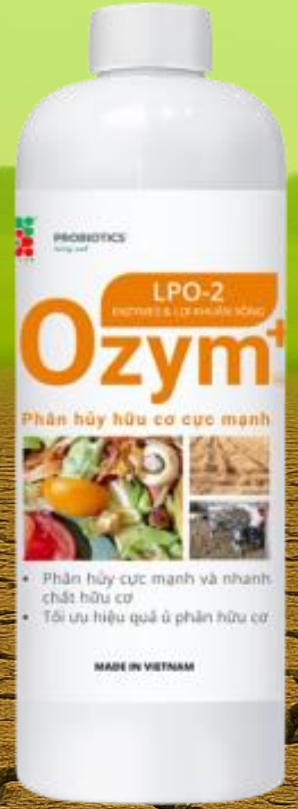

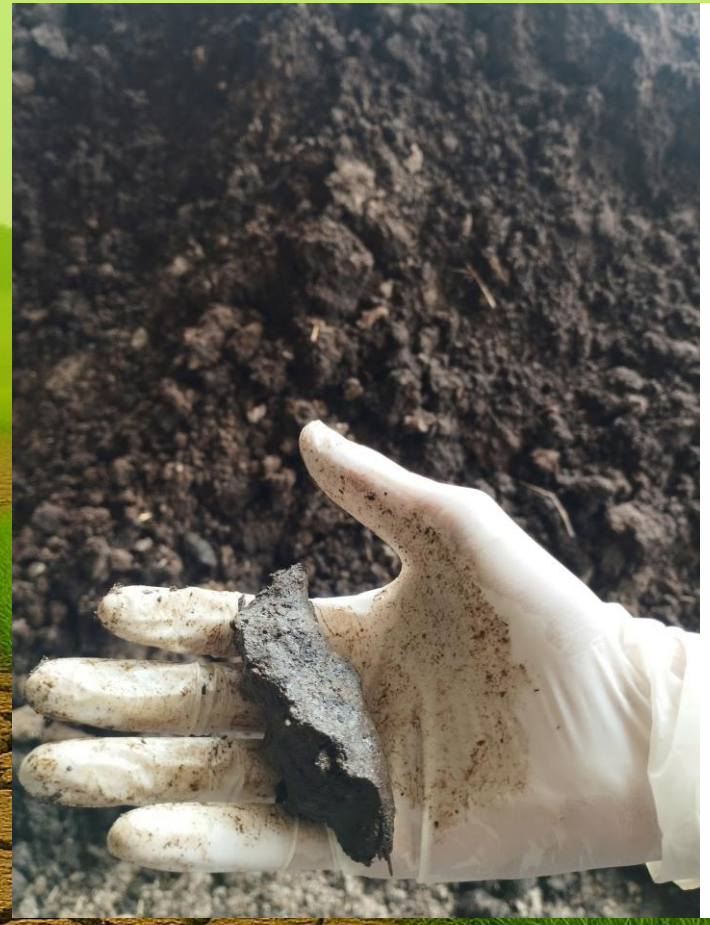

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
NONG LAM UNIVERSITY- HO CHI MINH CITY
VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ SINH HỌC & MÔI TRƯỜNG
RESEARCH INSTITUTE FOR BIOTECHNOLOGY AND ENVIRONMENT

BM 7.8/01/RIBE
Trang 1 / 1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã mẫu/*Sample code:* **24N436-1**

Tên khách hàng : *Customer:* **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SINH HỌC PROBIOTICS**
PROBIOTICS BIOTECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Địa chỉ: *Address:* 88/4 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
88/4 Nguyen Huu Canh, Thang Nhat Ward, Vung Tau City, Ba Ria - Vung Tau Province

Loại/ Tên mẫu: *Type/ Name of sample:* Phân bò
Cow manure

Mô tả mẫu: *Sample description:* Mẫu bảo quản trong túi nhựa
Samples are stored in plastic bags

Số lượng mẫu: *Quantity:* 01

Ngày nhận mẫu: *Date of receiving:* 07/11/2024

Ngày trả kết quả: *Date of reporting:* 14/11/2024

KẾT QUẢ
RESULT

Stt *No.*	Tên mẫu *Name of sample*	Chỉ tiêu thử *Parameter*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	Phương pháp thử *Method*
1.	BSCC-TP.HCM	*Bacillus* spp.	CFU/g	**$1,5 \times 10^8$**	TCVN 8736:2011

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2024
Ho Chi Minh City, November 14th, 2024

Trưởng PTN/QLKT
Lab/Tech Manager

TRUONG PHUOC THIEN HOANG, PhD.

Viện trưởng
Director

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ SINH HỌC VÀ MÔI TRƯỜNG

HUYNH VAN BIET, PhD.

TRIỂN KHAI THỰC TẾ - XỬ LÝ PHÂN BÒ

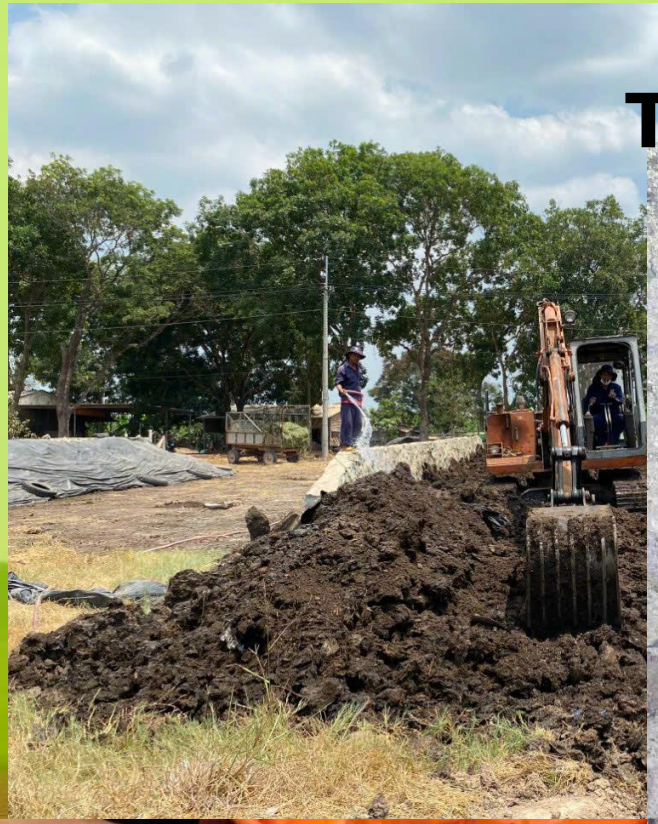

PROBIOTICS®
living well

TRIỂN KHAI THỰC TẾ - XỬ LÝ NƯỚC THẢI CHĂN NUÔI

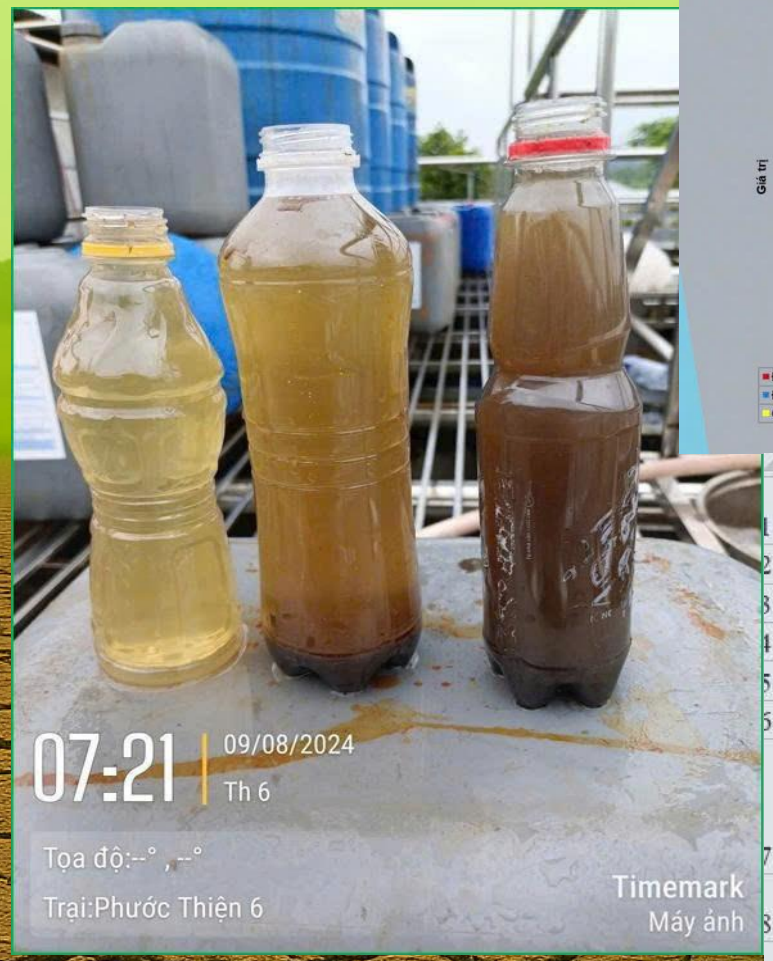

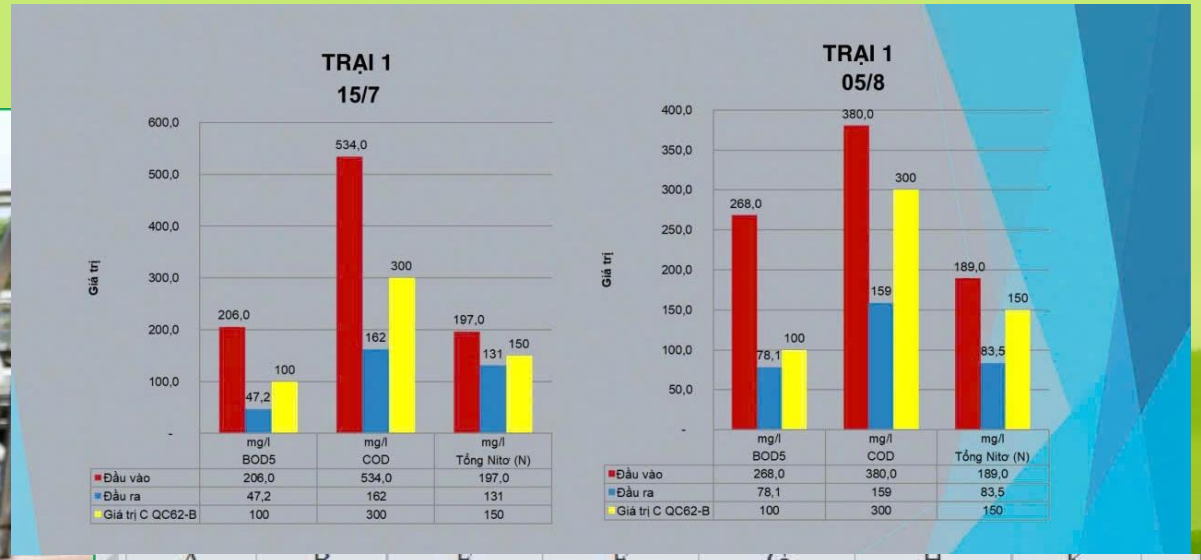

Thông số	Đơn vị	HBN 01/8		HBN 26/8		Giá trị C (QCVN 62-MT:2016)	
		Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	A	B
pH						6 - 9	6 - 9
BOD_5	mg/l	1.533	243	1.268	26,6	40	100
COD	mg/l	2.250	483	1.960	87,2	100	300
Tổng chất rắn lơ lững (TSS)	mg/l					50	150
Tổng Nitơ (N)	mg/l	825	265	873	128	50	150
Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100 ml					3000	5000

PROBIOTICS®
living well

TRIỂN KHAI THỰC TẾ CHO THỦY SẢN

CHUYỂN GIAO HỆ THỐNG TĂNG SINH F3 & MEN CHO XỬ LÝ NƯỚC AO NUÔI THỦY SẢN - HƯNG YÊN, CÀ MAU

PROBIOTICS®
living well

CẢI TẠO/PHỤC HỒI ĐẤT

Cân bằng hệ vi sinh trong đất, tăng cường hô hấp của đất

GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Phân hủy nhanh, an toàn phụ phẩm nông nghiệp

PROBIOTICS®
living well

PROBIOTICS®
living well

HIỆU QUẢ THỰC TẾ PROBIOTICS ĐẠT ĐƯỢC (MINH CHỨNG)

(1) Mật độ cao gấp 5–10 lần công nghệ truyền thống

Truyền thống: **10^7 – 10^8 CFU/mL**

HCDF Probiotics: **đã lên đến 10^12 - 10^14cfu/mL**

(2) Tỷ lệ sống CFU tăng từ 60–70% lên 90–95%

→ Lý do chủ yếu: kiểm soát stress tốt + OTR cao + giảm độc môi trường.

(3) Liều lượng dùng giảm 30–50%

→ Vì hoạt lực/CFU cao hơn.

(4) Độ ổn định bảo quản tăng 2–4 lần

→ CFU giảm rất chậm theo thời gian.

PROBIOTICS®
living well

ĐẶC ĐIỂM KHÁC BIỆT CỦA PROBIOTICS (SO VỚI VI SINH TRUYỀN THỐNG Ở VN)

Tiêu chí	Vi sinh truyền thống	HCDF Probiotics
Mật độ CFU/mL	10^7–10^8	10^12–10^15
Tỷ lệ sống	50–70%	90–95%
Hoạt lực enzyme	Thấp	Rất cao
Tính ổn định	Không đồng nhất	Chuẩn hóa
Liều lượng	Cao	Thấp
Hiệu quả thực địa	Chậm	Nhanh – mạnh
Công nghệ oxy	Không	Có
Tác động đất	Khá	Rất mạnh
Năng lực scale-up	Hạn chế	Rộng

PROBIOTICS®
living well

HIỆU QUẢ KINH TẾ (ECONOMIC IMPACT)

1. Giảm chi phí sản xuất 18–32%

→ Nhờ tăng hiệu suất lên men.

2. Giảm chi phí vận hành 22–35%

→ Ít bồn hơn, ít thời gian hơn, năng lượng thấp hơn.

3. Tăng lợi nhuận/mẻ 3,5–4,3 lần

(benchmark từ ABB, Novozymes, Dupont 2020–2023)

4. Giảm chi phí sử dụng sản phẩm cho nông dân 30–50%

→ Vì liều dùng thấp hơn.

PROBIOTICS®
living well

HIỆU QUẢ NÔNG NGHIỆP – MÔI TRƯỜNG (ENVIRONMENTAL IMPACT)

1. Giảm 40–70% rơm rạ bị đốt → giảm phát thải CO_2, CH_4
2. Tăng hữu cơ đất 0,3–0,8%/năm
3. Giảm 20–35% phân hóa học/năm
4. Tăng đa dạng vi sinh 3–5 lần
5. Phục hồi hệ sinh thái đất nhanh gấp 3 lần phương pháp tự nhiên

PROBIOTICS®
living well

HIỆU QUẢ XÃ HỘI – KINH TẾ NÔNG THÔN

1. Tăng 8–20% năng suất cây trồng

2. Giảm chi phí 12–25%/ha

3. Tăng thu nhập 15–40% cho nông dân

4. Xây dựng chuẩn đất khỏe – sản xuất bền vững – không đốt rơm

PROBIOTICS®
living well

HIỆU QUẢ CÔNG NGHỆ (TECHNOLOGICAL IMPACT)

1. CFU cao → hoạt lực mạnh → hiệu quả thực địa nhanh

2. Kiểm soát được từng pha lên men

3. Sản phẩm đồng nhất & chuẩn hóa

4. Khả năng scale-up 200L → 10.000L

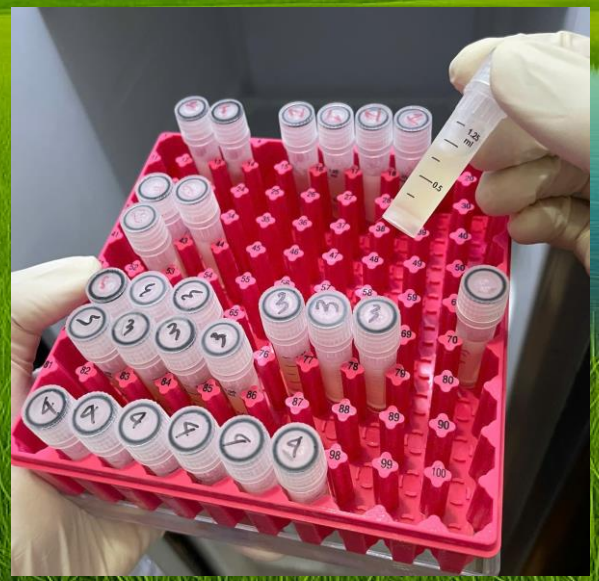

PROBIOTICS®
living well

CHÚNG TÔI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ

CHỐNG GIẢ

Người sử dụng sẽ quét QR Code để xác minh hàng thật với các thông số vi sinh của lô hàng.

Cho phép kiểm tra bình đã đưuợc sử dụng re-fill men vi sinh giả

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRỰC TUYẾN

Người sử dụng sẽ được đăng ký hướng dẫn sử dụng trực tuyến cũng như tham gia các khóa đào tạo về nâng cao sức khỏe đất

HỖ TRỢ THEO DÕI HIỆU NĂNG SỬ DỤNG

Người sử dụng sẽ được chuyên gia của Probiotics hỗ trợ tác dụng của phân vi sinh trực tuyến thông qua cập nhật định kỳ số liệu khi sử dụng sản phẩm

PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG - XÂY DỰNG DỮ LIỆU

Thống kê theo thời gian thực thị trường tiêu thụ

Cập nhật dữ liệu và làm giầu dữ liệu sức khỏe đất theo vùng trồng

PROBIOTICS®
living well

CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

VIETCERT

CERTIFICATE
GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: F911321240

Chứng nhận sản phẩm:

CHẾ PHẨM SINH HỌC
(Chi tiết sản phẩm xem danh mục đính kèm)

Sản xuất tại:

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SINH HỌC PROBIOTICS

Địa chỉ trụ sở :
88/4 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Địa chỉ sản xuất:
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SINH HỌC PROBIOTICS - 496/63 Lã Xuân Oai, phường Long Trường, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Được Trung tâm Giám định và chứng nhận hợp chuẩn hợp quy VietCert đánh giá chứng nhận phù hợp với TCVN 6168:2002

Và được phép sử dụng dấu hợp chuẩn của VietCert:

TCVN 6168:2002
Phương thức chứng nhận: phương thức 5
(Thông tư số 28/2012/ TT-BKHCN ngày 12/12/2012 (Sửa đổi: Thông tư 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017) của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Theo quy định của VietCert, chứng chỉ chỉ có giá trị hiệu lực khi thực hiện ít nhất 02 lần giám sát trong suốt thời hạn hiệu lực của chứng chỉ này. Kể từ ngày 19/7/2025 và 19/7/2026 chứng chỉ sẽ chỉ có hiệu lực nếu đi kèm thông báo kết quả đáp ứng yêu cầu giám sát định kỳ.

Ngày hiệu lực : 19/8/2024
Ngày hết hạn : 18/8/2027

GIÁM ĐỐC
PHAN THANH TUẤN

Trung tâm Giám định và Chứng nhận Hợp chuẩn Hợp quy VietCert
28 An Xuân, Phường An Khê, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng

DEMING
VIỆN NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG DEMING
DEMING PRODUCTIVITY QUALITY INSTITUTE
Website: www.deming.vn Email: deming.vn@gmail.com
ilac-MRA AOSC VLAT 1.1003 ISO 17025:2017

Mã số/Code BN 4113212-02	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM *TEST REPORT*	Ngày/ Date: 17/08/2024 Trang/Page: 01/01

Tên mẫu/ *Name of Sample:* **Chế phẩm sinh học - Ozym+**
Ký hiệu mẫu/ *Sample mark:* **113212 - M02**
Số lượng mẫu/ *Quantity:* **01 (500ml/mẫu)**
Tình trạng mẫu/ *Sample description:* **Mẫu chứa trong chai nhựa, có tem niêm phong**
Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving:* **07/08/2024**
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period:* **07/08/2024 - 17/08/2024**
Đơn vị gửi mẫu/ *Client:* **TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH VÀ CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN HỢP QUY VIETCERT**
Địa chỉ/ *Address:* **28 An Xuân, phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng**
Kết quả thử nghiệm/ *Test results:*

TT *No.*	Chỉ tiêu thử nghiệm/ *Test characteristic*			Kết quả thử nghiệm/ *Test result*
	Tên chỉ tiêu/ *Parameters*	Đơn vị/ *Unit*	Phương pháp thử/ *Test Method*	
1.	Vi sinh vật phân giải cellulose	CFU/L	TCVN 6168:2002	$2,6 \times 10^{10}$
2.	Vi sinh vật tạp	CFU/L	TCVN 6168:2002	$8,3 \times 10^{4}$
3.	*Bacillus* spp.	CFU/L	HD.02.25B/PQI-KT1	$1,6 \times 10^{10}$
4.				
5.				

Ghi chú: HD.02...KT1 - Phương pháp thử do Viện Deming xây dựng, phê duyệt và công bố áp dụng

TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 1
Head of Technical Division 1
NGUYỄN VĂN TRUNG

ĐẠI DIỆN VIỆN
On behalf of the Institute
LÊ THỊ MỘNG TRINH

(*) Phương pháp thử được công nhận ISO 17025 / *Test Methods are accredited by ISO 17025.*
(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / *Tested by Subcontract.*
– (-) Phương pháp thử được chỉ định/ *Test methods are assigned*
– Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi/ *Test results are valid for the namely submitted sample (s) only.*
– Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu./*Name of sample and customer are written as customer's request.*
– Không được trích sao một phần Phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Deming/ *This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Deming.*

Address: Lot 21-22, B1A, KDC Quang Thanh 3B, Hoa Khanh Bac ward, Lien Chieu district, Da Nang city *Tel: 0236.6562929* *Fax: 0236.3617519*

BM 06/QT-08/PQI*03/01/2022 Lần sửa đổi: 00

P 1/1 - MM12403.130942165

CASE
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP.HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC
VIMCERTS 147

Mã số mẫu/ Sample code BN12403.130942216 MM12403.130942165	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM *TEST REPORT*	BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 23/03/2024

Tên khách hàng/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH CNSH PROBIOTICS**
Địa chỉ/ *Address* : 88/4 NGUYỄN HỮU CẢNH, PHƯỜNG THẮNG NHẤT, THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU, VIỆT NAM
Tên mẫu/ *Name of sample* : **OZYM**
Số lượng/ *Quantity* : 1
Mô tả mẫu/ *Sample description* : Dạng lỏng.
Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : 13/03/2024
Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : 23/03/2024

STT/ *No*	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*
1	Bacillus spp.	CFU/L	$4,2x10^{11}$	BS EN 15784:2021 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ *Method is accreditated by VILAS.*

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory
TS. Trương Huỳnh Anh Vũ

TUQ. GIÁM ĐỐC / PER PRO. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION
Nguyễn Quốc Hùng

1) KẾT QUẢ MẪU CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2) Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/The sample information is written as customer's request.
3) Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH: (0) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đakao, Q.1, TP.HCM (N) 1800108 (M) (84.28) 3822 7256 (E) case@case.vn
CƠ SỞ CẦN THƠ: (0) F3-67, F3-68, Đường số 6, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ (N) (84.292) 3898257 - 3898 258 (M) kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucantho@case.vn ; kethoancantho@case.vn ; case.cantho.vn
VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG: (0) 57A07B, Đường 6E, KDT Lê Hồng Phong 3, P.Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa (N) (84.258) 246 5205 (M) (84.258) 246 5205 (E) vanphongmienTrung@case.vn

www.case.vn

PROBIOTICS®
living well

SỰ VƯƠN LÊN CỦA CHÚNG TÔI

KẾ HOẠCH CỦA CHÚNG TÔI

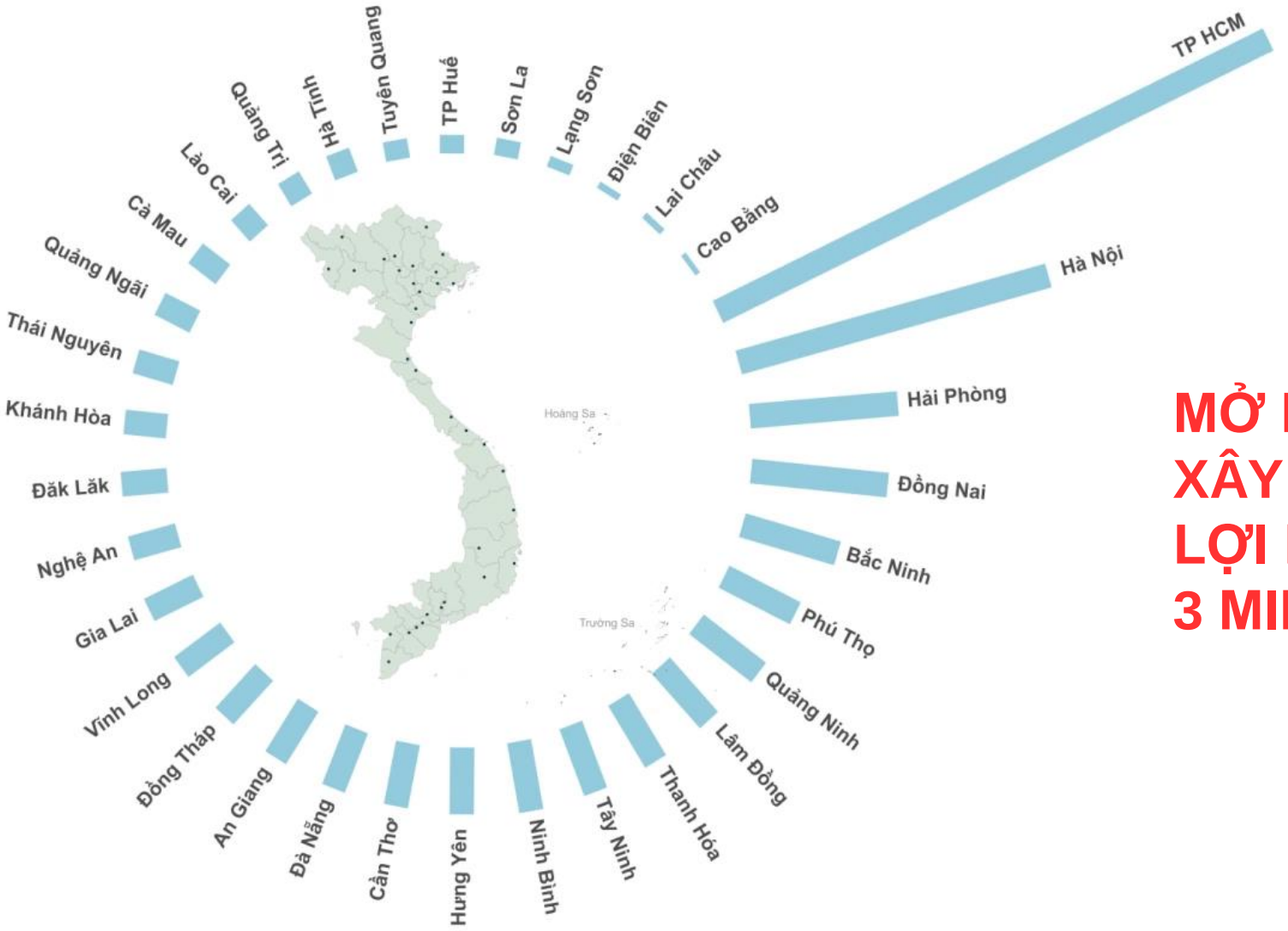

MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG,
XÂY DỰNG 3 NHÀ MÁY SẢN XUẤT LỢI KHUẨN MẬT ĐỘ CAO TẠI 3 MIỀN - GIAI ĐOẠN 2026 - 2028

NĂM 2026 - KẾT HỢP CÙNG TỔ CHỨC QUỐC TẾ: FAO, FOODBANK, CARE, P4G, DFAT, GAC, EU... TẠO SINH KẾ CHO 1000 THANH NIÊN VÀ PHỤ NỮ NÔNG THÔN

KẾ HOẠCH CỦA CHÚNG TÔI

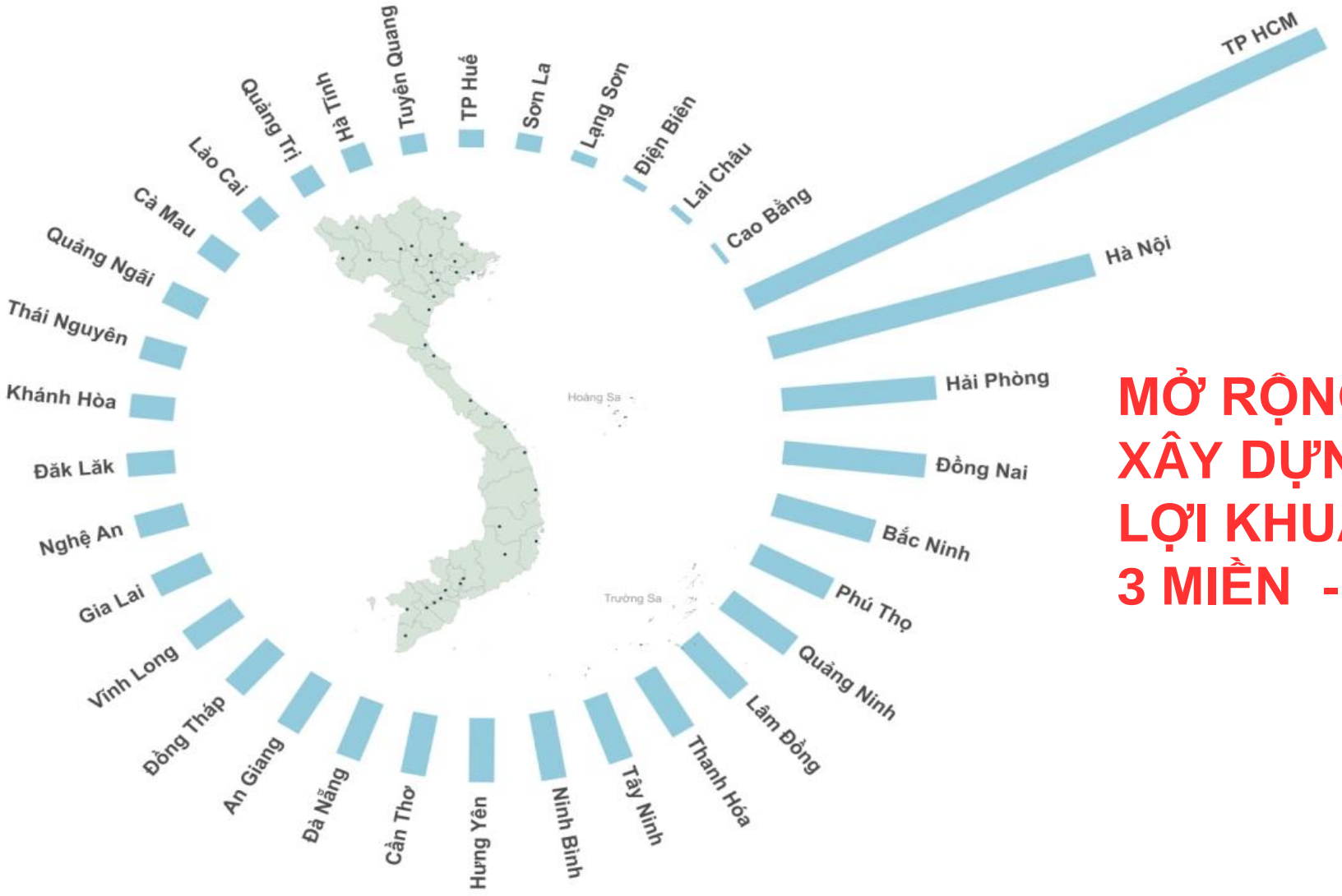

MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG,
XÂY DỰNG 3 NHÀ MÁY SẢN XUẤT
LỢI KHUẨN MẬT ĐỘ CAO TẠI
3 MIỀN - GIAI ĐOẠN 2026 - 2028

PROBIOTICS®
living well

LỢI ÍCH KHI HỢP TÁC VỚI PROBIOTICS VIỆT NAM

1

Sản Phẩm Chất Lượng Cao

Chế phẩm vi sinh mật độ cao, an toàn tuyệt đối cho cây trồng, đất đai và con người, thân thiện môi trường.

2

Hỗ Trợ Kỹ Thuật Tận Tâm

Đội ngũ chuyên gia Probiotech luôn sẵn sàng hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo quy trình sử dụng sản phẩm hiệu quả.

3

Dịch Vụ Chuyên Nghiệp

Chính sách hậu mãi chu đáo, dịch vụ khách hàng chuyên nghiệp, luôn lắng nghe và cùng giải quyết vấn đề của bạn.

PROBIOTICS®
living well

ĐỘI NGŨ PROBITOTICS VIỆT NAM

made in Viet Nam, made by VietNamese ★

Ms. Ng.Vân Anh | Dr. Ng. Quỳnh Anh | Dr. T.T.Phi Ly | Mr. Ng Thành Danh | Mr. Tr.Tiến Hùng | Mr. Tr. ThanhTuấn | Mr. Phí Anh Tuấn | Ms. P.T.T.T.Quyên | Dr. P.Minh Nhựt

www.probioticsvn.com

PROBIOTICS®
living well

PROBIOTICS®
living well

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SINH HỌC PROBIOTICS

- Nhà máy sản xuất: 496/63 Lã Xuân Oai, Long Trường Thủ Đức, Tp.HCM
- **(+ 84) 979 679 228 (Ms. Vân Anh)**
- vietnamprobiotic@gmail.com
- probioticsvn.com

Thank
you